

**TỔNG
CÔNG TY
LẮP MÁY
VIỆT NAM
- CTCP**

Digitally signed by TỔNG
CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT
NAM - CTCP
DN: C=VN, L=HÀ NỘI, CN
=TỔNG CÔNG TY LẮP
MÁY VIỆT NAM - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0100106313
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2026.04.20 16:50:08
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển	11
5. Các rủi ro	15
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	18
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	18
2. Tổ chức và nhân sự	20
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	25
4. Tình hình tài chính Công ty mẹ	32
5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm	33
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty	34
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	39
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	39
2. Tình hình tài chính	39
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	41
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	42
4.1. Công tác chỉ đạo điều hành	42
4.2. Kế hoạch doanh thu	42
4.3. Công tác đầu tư	43
4.4. Điều hành và quản lý thi công các dự án	43
4.5. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động	43
4.6. Công tác thị trường	43
4.7. Công tác tài chính	44
4.8. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động	44

4.9. Công tác phát triển nguồn nhân lực:.....	45
4.10. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty:.....	45
4.11. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:	45
4.12. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:	45
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty	46
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	47
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty	47
2. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT	54
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	58
1. Hội đồng quản trị.....	58
2. Ban Kiểm soát	59
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	60
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	60
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.....	61
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ	61
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	61
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025.....	63

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

- Tên Công ty/ Tên giao dịch : **TÔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP**
- Tên Tiếng Anh : Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, Sở Tài Chính cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 18/08/2025.
- Vốn điều lệ : 797.261.040.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 797.261.040.000 đồng
- Địa chỉ : Số 124 Minh Khai, phường Tương Mai, TP Hà Nội
- Số điện thoại : 024 38637747
- Website : <http://www.lilama.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : LLM

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Ung Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phá, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ Giai đoạn 1976 - 1995:

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy hột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Angiêri, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng Công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng Công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ Giai đoạn 1996 - 2000:

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng Công ty đến năm 2010*", chia làm ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng Công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW

trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chỉ thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng Công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ Giai đoạn 2001 - 2005:

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng Công ty lắp máy Việt Nam được tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ Giai đoạn 2006 - 2010:

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2 công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW với tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ **Giai đoạn 2010 - nay:**

Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng Ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na, dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, đang là thành viên của Liên doanh Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4.

Cùng với việc làm Tổng thầu EPC tại các dự án trọng điểm quốc gia, LILAMA cũng đã mở rộng thị trường sang các dự án năng lượng xanh, đặc biệt là lĩnh vực chế tạo tổ hợp các Module (“Mô-đun”) thiết bị cỡ lớn cho các nhà máy sản xuất khí hydro xanh thông qua các hợp đồng chế tạo với các bạn hàng quốc tế để tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu là bước chuyển mình cần thiết để sớm tham gia vào xu thế chuyển dịch năng lượng với nguồn “Green Hydrogen – Hydro xanh” này. Đây là dấu mốc quan trọng khẳng định tay nghề và năng lực của LILAMA và chính thức tham gia vào các dự án năng lượng xanh, sạch cỡ lớn trên phạm vi toàn cầu, đồng thời LILAMA cũng là một trong những doanh nghiệp đầu tiên trên thế giới tham gia vào chuỗi cung cấp dây chuyền sản xuất hydro xanh toàn cầu.

Trải qua 65 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam. Được sang năm 2016, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần. Đến ngày 16/08/2017, cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán cho công ty chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: LLM. Đây được đánh giá là một bước thay đổi quan trọng, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển thành công mới của Tổng Công ty.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



- Nhà thầu EPC số 1 tại Việt Nam, thực hiện các dự án lớn với vai trò là tổng thầu EPC.
- Nhà thầu lắp máy uy tín nhất Việt Nam với các dự án lắp máy tiêu biểu như: Tua bin, máy phát của các nhà máy nhiệt điện công suất 100 -> 600 MW, nhà máy thủy điện 240MW...

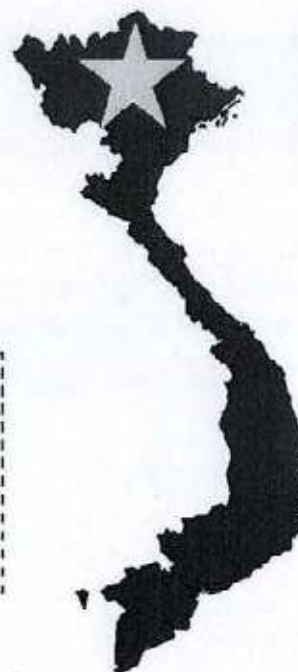


Cơ khí chế tạo

- Chế tạo đến 75% các thiết bị cho các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu, dầu khí mà LILAMA là tổng thầu.
- Năng lực chế tạo cơ khí dẫn dầu trên thị trường hiện nay.



- Hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án: nâng cao năng lực cạnh tranh cho LILAMA.
- Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh khác.



Trụ sở chính: 124 Minh Khai,
phường Tương Mai, TP. Hà
Nội

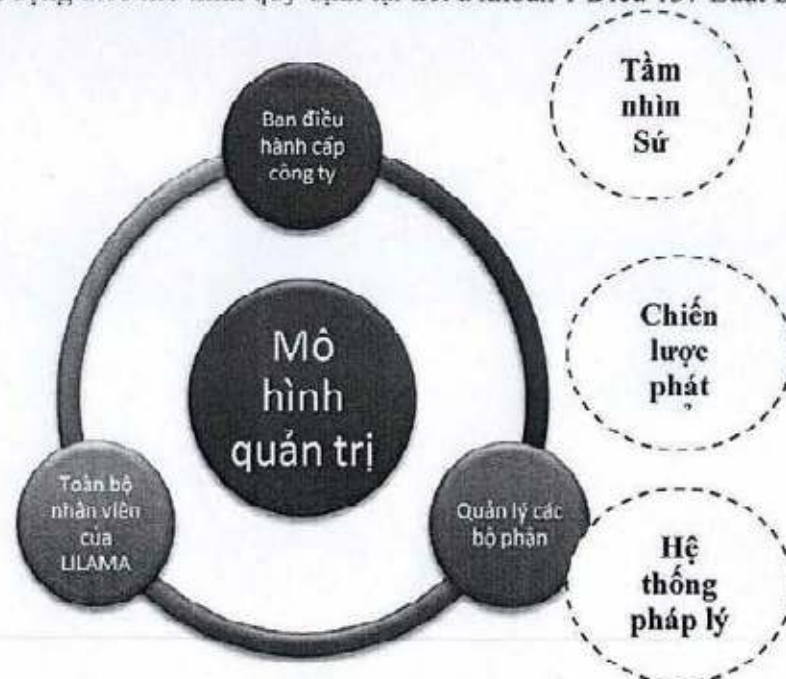
VPĐD: 9/12 Hồ Tùng Mậu,
phường Sài Gòn, thành phố Hồ
Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP trong 02 năm gần nhất đến từ hoạt động xây lắp (chiếm trên 97% trong cả hai năm gần nhất)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Tổng Công ty

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại tiết a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

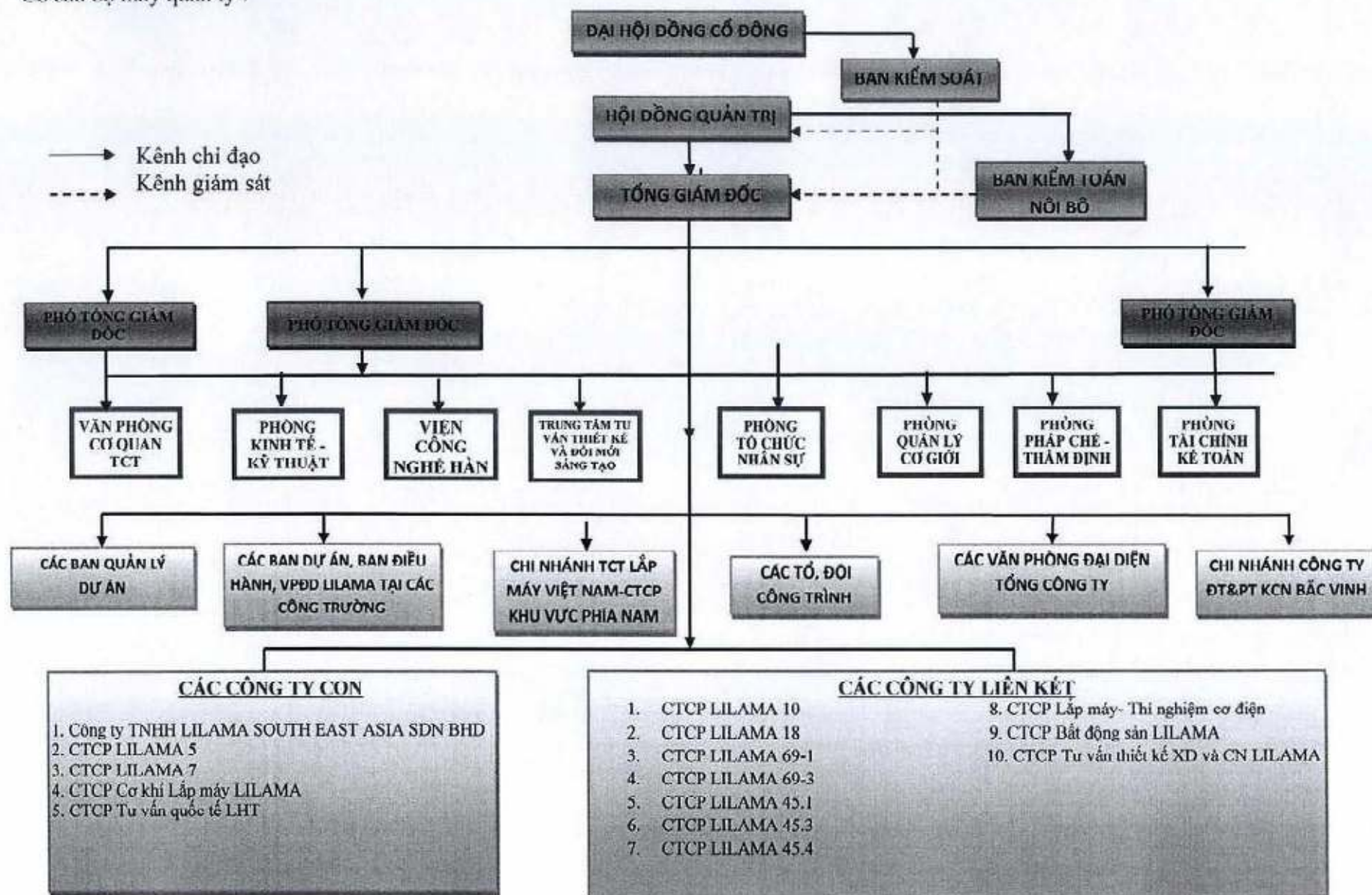


LILAMA sử dụng mô hình quản trị 3 cấp:

- Cấp Công ty: Bao gồm Ban điều hành Tổng Công ty (Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc), Ban quản lý các công ty con.
- Cấp bộ phận: Bao gồm các trưởng, phó phòng của các phòng chức năng Tổng Công ty; người đại diện vốn của Lilama tại các công ty liên kết.
- Cấp chức năng: Bao gồm toàn bộ cán bộ công nhân viên của LILAMA, là người trực tiếp thực hiện các chính sách, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty vẫn luôn chú trọng đến những yếu tố nội tại - ngoại cảnh tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, bao gồm: các rủi ro phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động (như rủi ro về hoạt động kinh doanh, rủi ro về nhân lực...); những chiến lược phát triển phải phù hợp với tiềm năng của thị trường, tầm nhìn - sứ mệnh phát triển của Tổng Công ty; quan trọng nhất là đảm bảo việc tuân thủ những quy tắc, quy định của hệ thống pháp lý nơi diễn ra những hoạt động kinh doanh của LILAMA trong và ngoài nước.

Cơ cấu bộ máy quản lý :



Các công ty con của LILAMA

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH	ĐỊA CHỈ
1.	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	17.102	99,00	Xây lắp, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí	Liang, Brunei
2.	CTCP LILAMA 5	51.497	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	179 đường Trần Phú, phường Bim Sơn, Thanh Hóa
3.	CTCP LILAMA 7	50.000	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Số 332, đường 2/9, phường Hòa Cường, Đà Nẵng
4.	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	32.651	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	72E đường Hoàng Diệu, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
5.	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	9.600	60,00	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp	Tầng 3, Tòa nhà 21 tầng Lilama, 124 Minh Khai, phường Tương Mai, Hà Nội

Các công ty liên kết

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1.	CTCP LILAMA 10	98.900	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Tòa nhà Lilama 10, phố Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Hà Nội

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ (Triệu đồng)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
2.	CTCP LILAMA 18	93.887	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lầu 9/19 Hồ Tùng Mậu, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
3.	CTCP LILAMA 69-1	75.762	41,10	Cơ khí chế tạo, xây lắp	17 Lý Thái Tổ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
4.	CTCP LILAMA 69-3	82.794	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	515 Điện Biên Phủ, phường Thành Đông, TP Hải Phòng
5.	CTCP LILAMA 45.1	48.000	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	138-140 Điện Biên Phủ, phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh
6.	CTCP LILAMA 45.3	35.000	40,83	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
7.	CTCP LILAMA 45.4	40.000	35,06	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Xa Lộ Hà Nội, Khu Công Nghiep Biên Hoà 1, P. Bình Đa, Đồng Nai
8.	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ	434-436 Nguyễn Trãi, phường Đại Mỗ, Hà Nội
9.	CTCP Bất động sản LILAMA	104.713	27,93	Thương mại, dịch vụ BĐS, XNK,...	Tầng 2, số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, phường Tương Mai, Hà Nội
10.	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	4.400	45,45	Kinh doanh bất động sản	Tầng 1, Tòa nhà E3A, tòa nhà 12 tầng, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu

LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn Tổng Công ty, tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nhà chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia.

- Xây dựng Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP trở thành doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực tài chính, có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại, phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính đã lựa chọn, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

❖ **Mục tiêu cụ thể**

- Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao là (1) Ngành EPC, xây lắp và (2) Ngành Cơ khí chế tạo.
- Mục tiêu về tài chính:
 - o Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, xây dựng LILAMA có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, bền vững, hướng tới tăng trưởng;
 - o Tăng quy mô vốn điều lệ để tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
 - o Tăng vốn điều lệ nhằm giảm hệ số nợ ở mức hợp lý, an toàn, giảm chi phí tài chính, đẩy nhanh vòng quay vốn, thay thế các khoản vay có thời gian vay ngắn, lãi suất cao bằng các khoản vay thời gian dài, lãi suất hợp lý và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
 - o Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, tập trung vốn đầu tư nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất kinh doanh chính.
- Mục tiêu về tổ chức, nguồn nhân lực:
 - o Hoàn thiện việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn và hoàn thành thoái vốn tại các đơn vị không thuộc ngành kinh doanh chính/hoạt động không hiệu quả.
 - o Đảm bảo nhân lực đáp ứng kế hoạch phát triển trong các ngành kinh doanh chính căn cứ theo doanh thu. Nâng cao tỷ lệ sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
 - o Tinh giản bộ máy để phù hợp với mô hình hoạt động và tăng năng suất lao động.
 - o Từng bước nâng cao hiệu quả của người lao động và thu nhập bình quân đầu người lên mức cao hơn.

– Mục tiêu về quản trị:

- Tổng Công ty tiếp tục đóng vai trò là nhà hoạch định, kiểm soát chiến lược; tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; điều phối chung các hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp của LILAMA và các nhà thầu; thoái vốn triệt để tại các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
- LILAMA sẽ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, ban hành và áp dụng bộ quy tắc quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự công bằng, tính minh bạch, tính trách nhiệm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Các mục tiêu phát triển bền vững

LILAMA kiên định mục tiêu phát triển bền vững của mình là trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty; Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường lắp máy Việt Nam trở thành một trong những mũi nhọn phát triển của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến thị trường quốc tế; Đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Mô hình phát triển bền vững của Tổng Công ty:

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Hội đồng quản trị	- Chỉ đạo chung về chiến lược - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
Ban Tổng giám đốc	- Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Các Phòng/Ban nghiệp vụ	- Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
Cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty	- Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày có liên quan đến các mục tiêu phát triển của Tổng Công ty và của Phòng, Ban nghiệp vụ.

Mô hình phát triển bền vững của LILAMA có nhiệm vụ gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững của Tổng Công ty; nhờ đó mà mô hình này có ảnh hưởng tích cực đến những người liên quan cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Là một nhà thầu uy tín, LILAMA nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Trong tất cả những công trình mà LILAMA là nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư, Tổng Công ty đều cố gắng giảm đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, không để xảy ra khiếu nại/khiếu kiện về vấn đề an toàn môi trường; những phản ánh, đánh giá không tốt của đối tác về tiêu chuẩn chất lượng xây dựng và bảo vệ môi trường tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế. Tổng Công ty đã cố gắng đầu tư mua sắm các trang thiết bị thi công hiện đại để đảm bảo mức hao phí nhiên liệu và khí thải được giảm thiểu tối đa.

Tổng Công ty cam kết bảo vệ và gìn giữ môi trường, tăng cường sức khỏe, an toàn và an ninh cho nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, cộng đồng nơi LILAMA hoạt động và công chúng nói chung. Trong các hoạt động của mình, Tổng Công ty luôn cố gắng để đảm bảo: *“Không có tai nạn, không có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của cộng đồng ở những nơi có các hoạt động của LILAMA”*.

5. Các rủi ro

Rủi ro về nền kinh tế

Thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2025

Năm 2025, kinh tế Việt Nam duy trì đà phục hồi với tăng trưởng GDP khoảng 6–6,5%, lạm phát được kiểm soát trong khoảng 3,5–4% và mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Động lực chính của nền kinh tế tiếp tục đến từ đầu tư công với giá trị giải ngân ước đạt 650–700 nghìn tỷ đồng, tập trung vào các dự án hạ tầng quy mô lớn. Trong bối cảnh đó, ngành xây lắp ghi nhận mức tăng trưởng khoảng 7–8%, chủ yếu nhờ các công trình giao thông và năng lượng; tuy nhiên, hiệu quả hoạt động vẫn chịu áp lực từ chi phí vật liệu duy trì ở mức cao, cạnh tranh trong đấu thầu gay gắt và tình trạng chậm thanh toán, trong khi mảng xây dựng dân dụng và bất động sản phục hồi chậm, khiến toàn ngành vẫn tăng trưởng nhưng chưa thực sự bền vững.

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2026

Tiếp nối đà phục hồi và tăng trưởng tích cực trong năm 2025, nền kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với kỳ vọng duy trì quỹ đạo tăng trưởng cao, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển 2026 – 2030. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 đạt khoảng 8% trở lên, hướng tới duy trì mức tăng trưởng hai con số trong trung hạn.

Động lực tăng trưởng năm 2026 dự kiến tiếp tục đến từ các yếu tố sau:

- Hoàn thiện thể chế và cải cách chính sách: Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư, quy hoạch, xây dựng và thị trường vốn, qua đó tháo gỡ các điểm nghẽn, thúc đẩy các động lực tăng trưởng truyền thống như đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu.
- Đẩy mạnh đầu tư công quy mô lớn: Kế hoạch giải ngân đầu tư công tiếp tục được duy trì ở mức cao, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như cao tốc Bắc – Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống cảng biển và hạ tầng năng lượng. Đây là yếu tố quan trọng tạo nguồn việc cho các doanh nghiệp xây lắp và cơ khí.
- Chuyển dịch năng lượng và phát triển bền vững: Chính phủ tập trung tháo gỡ vướng mắc cho các dự án năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo và LNG, đồng thời triển khai Quy hoạch điện VIII, mở ra cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp và năng lượng.
- Thúc đẩy khoa học công nghệ và chuyển đổi số: Các chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ cao (AI, bán dẫn, năng lượng sạch, hydrogen) góp phần thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao và tạo ra nhu cầu đầu tư mới trong các ngành công nghiệp hiện đại.
- Hình thành các trung tâm tài chính và mô hình tăng trưởng mới: Việc phát triển trung tâm tài chính

quốc tế và khu vực, cùng với các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sẽ mở rộng kênh huy động vốn và thúc đẩy đầu tư vào hạ tầng và công nghiệp công nghệ cao.

Rủi ro về pháp lý

Hệ thống pháp luật Việt Nam tiếp tục trong quá trình hoàn thiện, với tần suất điều chỉnh, bổ sung các quy định nhằm phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế. Điều này vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu cao đối với doanh nghiệp trong việc cập nhật và tuân thủ.

Đối với LILAMA, với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, cơ khí và EPC, các thay đổi về quy định liên quan đến đầu tư công, xây dựng, đấu thầu, môi trường và năng lượng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu không kịp thời thích ứng, doanh nghiệp có thể đối mặt với các rủi ro pháp lý, tranh chấp hợp đồng hoặc chi phí tuân thủ gia tăng.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro thị trường:

- Trong bối cảnh chuyển dịch năng lượng và thay đổi cơ cấu đầu tư, thị trường truyền thống của LILAMA có sự suy giảm rõ rệt;
- Các dự án nhiệt điện than bị hạn chế phát triển theo cam kết giảm phát thải;
- Thủy điện gần như đã khai thác hết tiềm năng, chủ yếu là mở rộng công suất;
- Các lĩnh vực như xi măng, hóa chất, thép đang trong giai đoạn bão hòa hoặc tăng trưởng chậm.
- Trong khi đó, các lĩnh vực mới như năng lượng tái tạo, LNG, hạ tầng giao thông, đường sắt đô thị mở ra cơ hội nhưng yêu cầu kỹ thuật, mô hình triển khai và cơ cấu công việc có sự thay đổi, khiến tỷ trọng công việc truyền thống của LILAMA không còn chiếm ưu thế.
- Điều này đòi hỏi Tổng công ty phải tái cấu trúc thị trường mục tiêu, mở rộng sang các lĩnh vực hạ tầng và công nghiệp mới, đồng thời nâng cao năng lực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Rủi ro hoạt động:

Đặc thù ngành xây lắp với chu kỳ dự án dài, thủ tục nghiệm thu – thanh quyết toán phức tạp tiếp tục tạo áp lực lên dòng tiền của doanh nghiệp. Việc chậm giải ngân vốn đầu tư công, kéo dài tiến độ dự án hoặc điều chỉnh tổng mức đầu tư có thể ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính và khả năng ghi nhận doanh thu của Tổng công ty theo từng kỳ.

- ***Rủi ro cạnh tranh:***

Cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp và EPC ngày càng gia tăng, không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn từ các nhà thầu quốc tế có năng lực tài chính và công nghệ vượt trội. Trong bối cảnh nguồn việc truyền thống suy giảm, áp lực cạnh tranh về giá, tiến độ và chất lượng ngày càng lớn, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận và khả năng trúng thầu.

- ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, thiết bị đầu vào:***

Các dự án EPC có tỷ trọng chi phí vật tư, thiết bị lớn và thời gian thực hiện kéo dài, do đó biến động giá nguyên vật liệu (thép, thiết bị cơ khí, năng lượng...) có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hợp đồng nếu không có cơ chế điều chỉnh giá phù hợp.

- ***Rủi ro về chi phí vốn vay:***

Tỷ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối cao khiến chi phí lãi vay trở thành yếu tố nhạy cảm đối với hiệu quả kinh doanh. Trong bối cảnh lãi suất còn biến động và điều kiện tín dụng thắt chặt hơn, Tổng công ty có thể chịu áp lực gia tăng chi phí vốn, ảnh hưởng đến khả năng triển khai dự án và mở rộng đầu tư.

- ***Rủi ro môi trường***

Hoạt động xây lắp và cơ khí chịu tác động trực tiếp từ các yếu tố tự nhiên như thời tiết cực đoan, thiên tai, biến đổi khí hậu. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến tiến độ thi công, chi phí phát sinh và an toàn lao động. Do đó, Tổng công ty cần chủ động xây dựng các phương án quản trị rủi ro, ứng phó và khắc phục nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
	Năm 2024	Năm 2025		Năm 2024	Năm 2025	
		Giá trị	Tăng trưởng (%)		Giá trị	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.456,9	6.720,8	23,2%	6.116,5	7.353,8	20,2%
Vốn chủ sở hữu	997,2	1.464,8	46,9%	978,2	1.416,3	44,8%
Doanh thu thuần	6.063,7	5.337,7	-12,0%	6.101,3	5.432,6	-11,0%
Giá vốn hàng bán	5.962,4	4.946,3	-17,0%	5.995,3	5.502,3	-8,2%
Lợi nhuận gộp	101,3	391,4	286,4%	106,0	380,3	258,7%
Doanh thu tài chính	141,2	147,7	4,6%	147,2	140,0	-4,9%
Chi phí tài chính	128,0	124,3	-2,9%	132,4	132,9	0,3%
Lãi từ công ty LK	-	-		1,3	8,3	530,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39,4	17,1	-56,7%	56,0	32,8	-41,4%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	75,2	397,8	429,1%	66,1	362,9	448,6%
Lợi nhuận khác	20,5	201,1	882,9%	16,7	203,3	1118,8 %
Lợi nhuận trước thuế	95,6	598,9	526,2%	82,8	566,2	583,7%
Lợi nhuận sau thuế	94,2	507,1	438,3%	79,2	473,4	497,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2025 của LILAMA

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH 2025
1.	Sản lượng	6.576,9	5.686,1	86,4%
2.	Doanh thu	5.965,5	5.687,8	95,3%
3.	Lợi nhuận trước thuế	110,0	598,9	544,4%
4.	Nộp ngân sách nhà nước	100,0	260,6	260,6%
5.	Tỷ lệ cổ tức (%) (*)	7,0%/năm	0%	0%
6.	Dầu tư	50,0	7,2	14,4%
7.	Quỹ lương NLĐ	347,4	261,1	75,2%

(Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025)

(*) Theo phương án phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty sẽ sử dụng Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận còn lại chưa phân phối để phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ.

Các yếu tố làm doanh thu thực hiện năm 2025 tăng cao hơn so với kế hoạch dự kiến:

- Tổng công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, tập trung nguồn lực thi công tại các dự án trọng điểm, qua đó đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hạng mục có giá trị lớn. Đồng thời, việc mở rộng phạm vi công việc tại các hợp đồng hiện hữu cũng như ký kết bổ sung một số gói thầu mới đã góp phần gia tăng đáng kể quy mô doanh thu so với kế hoạch ban đầu.
- Ngoài ra, công tác quản lý dự án và phối hợp với chủ đầu tư, tư vấn giám sát được cải thiện rõ rệt, đặc biệt trong khâu nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh toán, giúp rút ngắn thời gian ghi nhận doanh thu. Tổng công ty cũng tăng cường kiểm soát tiến độ, chất lượng và tối ưu hóa tổ chức thi công, từ đó nâng cao hiệu suất thực hiện và khả năng hoàn thành khối lượng công việc trong kỳ.
- Tổng hợp các yếu tố trên, doanh thu năm 2025 không chỉ phản ánh sự phục hồi của thị trường mà còn cho thấy hiệu quả trong công tác điều hành, năng lực thi công và khả năng thích ứng của Tổng công ty, tạo nền tảng tích cực cho việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong các năm tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	Chủ tịch HĐQT	29/06/2021	-
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Thành viên HĐQT	29/06/2021	27/06/2025
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Thành viên HĐQT	29/06/2021	-
4	Trần Vũ Vương	28/12/1971	Thành viên HĐQT	29/06/2021	-
5	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Thành viên HĐQT	28/06/2024	-
6	Ông Lê Đình Khanh	15/04/1975	Thành viên HĐQT	27/06/2025	-

Một số thông tin tóm tắt lý lịch về thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Đức Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 20.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 22.224.130 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 27,901%

Ông Nguyễn Văn Hùng –Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 31.300 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 19.931.526 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 25,039%

Ông Trần Vũ Vương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 2.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,003%

Ông Nguyễn Mạnh Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 12.200 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,015%

Ông Lê Đình Khanh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu: 11.958.916 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 15,000%

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Trưởng Ban kiểm soát	29/06/2021
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	Thành viên Ban kiểm soát	29/06/2021
3.	Trần Thương Huyền	20/07/1975	Thành viên Ban kiểm soát	29/06/2021

Thông tin tóm tắt về thành viên Ban kiểm soát:**Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát**

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.100 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,001%

Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,001%

Bà Trần Thương Huyền – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2.3 Ban Điều hành

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Tổng Giám đốc	01/10/2024	-
2	Nguyễn Mạnh Dũng	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc	12/05/2021	-
3	Lê Quốc Ân	29/7/1970	Phó Tổng Giám đốc	12/05/2021	26/04/2025
4	Hoàng Minh Khôi	25/09/1973	Phó Tổng Giám đốc	25/07/2022	-
5	Phạm Trung Thành	23/09/1974	Phó Tổng Giám đốc	15/05/2025	
6	Tô Phi Sơn	29/10/1984	Kế Toán trưởng	01/11/2025	

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Ban Tổng giám đốc:**Ông NGUYỄN VĂN HÙNG - Tổng Giám đốc**

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN MẠNH DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông HOÀNG MINH KHÔI - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư thiết bị điện
- Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

Ông PHẠM TRUNG THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1974

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí – Tin học - Số lượng cổ phiếu sở hữu: 0 cổ phiếu - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
Ông TÔ PHI SƠN – Kế toán trưởng
- Năm sinh: 1984 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Số lượng cổ phiếu sở hữu: 10.000 cổ phiếu - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,003%

2.4 Những thay đổi trong ban điều hành:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng quản trị					
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Thành viên HĐQT	29/06/2021	27/06/2025
2	Lê Đình Khanh	15/04/1975	Thành viên HĐQT	27/06/2025	
Ban Tổng giám đốc					
1	Lê Quốc Ân	29/07/1970	Phó Tổng Giám đốc	12/05/2021	26/04/2025
2	Phạm Trung Thành	23/09/1974	Phó Tổng Giám đốc	15/05/2025	

2.5. Cán bộ công nhân viên Tổng Công ty:

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025

TT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ		
1.	Đại học và trên Đại học	386	46,6%
2.	Cao đẳng, trung cấp	19	2,3%
3.	Công nhân kỹ thuật	177	21,4%
4.	Lao động phổ thông	246	29,7%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng		
1.	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	9	1,1%

TT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
2.	Lao động không xác định thời hạn	627	75,7%
3.	Lao động hợp đồng có thời hạn	183	22,1%
4.	Lao động khác	9	1,1%
	Tổng cộng	828	100,0%

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- **Chế độ làm việc**
 - LILAMA có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cống hiến cá nhân của nhân viên.
 - Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.
 - Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế ...) được trang bị đầy đủ theo nhu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.
 - Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm ...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá số giờ quy định so với luật hiện hành.
- **Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động**
 - LILAMA hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy LILAMA luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng Công ty từ các trường Đại học kỹ thuật như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng và những trường đại học danh tiếng khác trong và ngoài nước.
 - Công tác tuyển dụng của LILAMA được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.
 - Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng Công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh, v.v..

- **Thời gian làm việc và chính sách lương**

LILAMA tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Công tác đầu tư XD CB và máy móc thiết bị:

Theo kế hoạch năm 2025, Tổng công ty dự kiến đầu tư mua sắm một số phương tiện máy móc, thiết bị và dụng cụ phục vụ thi công các dự án đang triển khai với giá trị đầu tư khoảng 50 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến hết năm, Tổng Công ty mới thực hiện đầu tư 5,3 tỷ đồng để mua sắm ba (03) ô tô phục vụ công tác đưa đón cán bộ, chuyên gia nước ngoài. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã đầu tư khoảng 0,5 tỷ đồng để mua sắm máy móc, dụng cụ thi công cho Chi nhánh phía Nam và các Đội thi công số 1, số 2 nhằm phục vụ thi công tại các dự án;

Nhằm nâng cao năng lực quản trị, tăng cường hiệu quả hoạt động, cải thiện năng lực cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của LILAMA trong lĩnh vực chuyên đổi số, LILAMA đã ký Hợp đồng số 250925/LILAMA-VNPT Media với Tổng công ty Truyền thông - Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT-Media) để triển khai gói thầu cung cấp Hệ thống Văn phòng điện tử (E-Office) thuộc Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống Văn phòng điện tử của Tổng công ty. Đến tháng 12/2025, VNPT-Media đã cơ bản hoàn thành hầu hết các hạng mục công việc, bao gồm: thuê hạ tầng điện toán đám mây và cung cấp dịch vụ chữ ký số; triển khai phần mềm trên các nền tảng web và thiết bị di động; thực hiện chính lý, số hóa tài liệu nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ vận hành hệ thống. Dự kiến dự án sẽ đưa vào vận hành chính thức trong Quý I năm 2026 đảm bảo đúng tiến độ theo Hợp đồng.

b) Đầu tư tài chính

- **Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết**

Tổng giá trị đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2025 là 569,7 tỷ đồng. Giá trị đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác đến 31/12/2025 không vượt Vốn điều lệ và Vốn chủ sở hữu. Chi tiết tình hình của các công ty thành viên trong năm 2025 như sau:

- o Đầu tư vào 5 Công ty con, giá trị đầu tư: 49,5 tỷ đồng; kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 có 02/05 Công ty có lãi (LILAMA SEA, LHT), 03/05 công ty lỗ (LILAMA 5,

LILAMA 7, Cơ khí Lắp máy LILAMA); 04/05 Công ty còn có lỗ lũy kế (LILAMA 5, LILAMA 7, Cơ khí Lắp máy LILAMA, LIIT);

- Đầu tư vào 10 Công ty liên kết, giá trị đầu tư: 271,2 tỷ đồng; kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 có 05/10 Công ty có lãi, 05/10 Công ty lỗ (LILAMA 69-1; LILAMA 45-1; LILAMA 45-3; LILAMA 45-4; Công ty CP TVTK XD&CN LILAMA); 05/10 Công ty có báo cáo còn lỗ lũy kế (LILAMA 45-1, LILAMA 45-3, LILAMA 45-4; LILAMA 69-1; và Công ty CP TVTK XD&CN LILAMA);
- Đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác gồm 07 Công ty, giá trị đầu tư: 248,9 tỷ đồng.

Trong năm 2025, LILAMA đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính theo đúng quy định (trích lập dự phòng bổ sung 5,0 tỷ đồng, Lũy kế đã trích lập dự phòng đến 31/12/2025: 121,1 tỷ đồng).

- Tình hình thoái vốn ra ngoài doanh nghiệp

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng và Đại hội đồng cổ đông thông qua, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (CTCP LILAMA 10 và CTCP LILAMA 18) và thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại; Đối với Công ty LILAMA SEA, tùy thuộc vào tình hình việc làm tại Brunei và các thị trường lân cận, Tổng công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để LILAMA tiếp tục thực hiện theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Trong năm 2025, thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã và đang triển khai các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành để thoái vốn tại một số đơn vị thành viên, cụ thể: CTCP Thủy điện Hòa Na (đã thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá công khai, tuy nhiên, không có nhà đầu tư quan tâm); CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện (đã thẩm định giá, thực hiện thoái vốn theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn, tuy nhiên, giá giao dịch thấp hơn nhiều so với giá khởi điểm nên việc thoái vốn không thành công); CTCP LILAMA 69-1 (đã thẩm định giá, tuy nhiên, do Công ty thua lỗ nên không đủ điều kiện bán đấu giá công khai, trong khi đó, giá thị trường và thanh khoản thấp nên việc thực hiện thoái vốn bằng phương thức giao dịch trên sàn không khả thi); CTCP Tư vấn quốc tế LHT (đã định giá, tổ chức chào bán cạnh tranh, tuy nhiên không có nhà đầu tư tham gia, dự kiến sẽ làm thủ tục giải thể Công ty);

Ngày 14/06/2025, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, theo đó, việc thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước đã không còn bị hạn chế bởi điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Hiện nay, LILAMA đang chờ Nghị định của Chính phủ để có cơ sở thực hiện việc thoái vốn đầu tư của LILAMA;

Đồng thời, Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025 đã hết hiệu lực. LILAMA sẽ rà soát, xây dựng và triển khai Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và của các doanh nghiệp được góp vốn.

- **Tình hình thu cổ tức, chi trả cổ tức**

Tình hình thu cổ tức: Trong năm 2025, có 04 Công ty có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức cho kết quả SXKD năm 2025 với tổng số tiền 31,55 tỷ đồng.

Tình hình chi trả cổ tức của Tổng công ty: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho các cổ đông theo đúng các quy định hiện hành, cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức: 3,5%/mệnh giá, tương ứng 350 đồng/cổ phần
- Hình thức chi trả : Bằng tiền mặt.
- Thời gian chi trả cổ tức: Trong quý 4/2025

c) Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2025, mặc dù tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng của xung đột quân sự cũng như cuộc chiến tranh thương mại của các cường quốc, khiến cho mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Tổng công ty đã tập trung nguồn nhân lực, máy móc/thiết bị thi công, nguồn tài chính để thực hiện các Dự án đảm bảo bám sát tiến độ thực tế và kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được các yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu/Nhà thầu chính. Tình hình thi công các dự án trong năm 2025 như sau:

- **Các dự án xuất khẩu Module sản xuất Hydrogen xanh:**

- Dự án NEOM:
 - Tổng giá trị Hợp đồng đã ký cho 110 Module: 94,5 triệu USD tương đương 2.318,3 tỷ đồng;
 - Giá trị hoàn thành trước thuế đến hết 31/12/2025: 2.345,98 tỷ đồng (đạt 103,4%);
 - Tính đến ngày 07/10/2025, đã hoàn thành việc cung cấp, gia công, chế tạo kết cấu thép, lắp đặt kiểm tra thử nghiệm, tổ hợp, đóng kiện và xuất xưởng cho toàn bộ 110/110 Module.
- Dự án H2GS:
 - Tổng giá trị Hợp đồng đã ký cho 27 Module: 20,6 triệu USD tương đương 489,6 tỷ đồng;

- Giá trị hoàn thành trước thuế đến hết 31/12/2025: 520,87 tỷ đồng (đạt 106,4%);
- Tính đến ngày 26/12/2025, đã hoàn thành việc cung cấp, gia công, chế tạo kết cấu thép, lắp đặt kiểm tra thử nghiệm, tổ hợp, đóng kiện và xuất xưởng cho toàn bộ 27/27 Module.
- **Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2:**
 - Giá trị Hợp đồng trước thuế: 1.969,92 tỷ đồng;
 - Giá trị quyết toán trước thuế: 1.969,92 tỷ đồng (đạt 100,0%);
 - Tính đến ngày 31/12/2025, dự án đã hoàn thành công tác bảo hành và thanh quyết toán với Chủ đầu tư (PVN)/Tổng thầu PETROCONS.
- **Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2:**
 - Giá trị Hợp đồng trước thuế: 1.926,64 tỷ đồng;
 - Giá trị hoàn thành trước thuế đến 31/12/2025: 1.860,02 tỷ đồng (đạt 96,5%);
 - Vận hành thương mại (COD) tổ máy số 1 vào ngày 22/07/2025;
 - Hòa đồng bộ tổ máy số 2 vào ngày 29/07/2025. Dự kiến vận hành thương mại (COD) vào tháng 04/2026;
 - Dự kiến trong quý I/2026 sẽ hoàn thành quyết toán Hợp đồng chính với Tổng thầu DOOSAN và các công việc liên quan đến công tác khắc phục hậu quả của cơn bão số 10 (làm sập hư hỏng 2/3 mái kho than và các hạng mục liên quan đến phạm vi của LILAMA như máy cào, máy đánh đồng, băng tải than, các hệ thống đường ống phụ trợ...).
- **Dự án Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4:**
 - Giá trị Hợp đồng EPC trước thuế: 7.388,58 tỷ đồng;
 - Giá trị hoàn thành trước thuế đến 31/12/2025: 6.899,29 tỷ đồng (đạt 93,4%);
 - Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 3:
 - Đã hòa đồng bộ lên lưới điện quốc gia vào ngày 05/02/2025;
 - Bàn giao cho Chủ đầu tư vận hành thương mại (COD) vào ngày 15/11/2025;
 - Đang trong quá trình bảo hành và thanh quyết toán Hợp đồng EPC.
- **Nhà máy điện khí LNG Nhơn Trạch 4:**
 - Đã hòa đồng bộ lên lưới điện quốc gia vào ngày 27/06/2025;
 - Bàn giao cho Chủ đầu tư vận hành thương mại (COD) vào ngày 15/12/2025;
 - Đang trong quá trình bảo hành và thanh quyết toán Hợp đồng EPC.

- **Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1:**

- Giá trị Hợp đồng EPC trước thuế quy đổi: 31.028,37 tỷ đồng;
- Giá trị hoàn thành trước thuế đến 31/12/2025: 29.234,2 tỷ đồng (đạt 94,2%);
- Dự án đã hoàn thành thi công và đang trong quá trình bảo hành mở rộng;
- Ngày 31/07/2025, BQLDA Chuyên ngành điện (PVN) và LILAMA đã ký Biên bản quyết toán Hợp đồng EPC trình Tập đoàn PVN/Cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt;
- Để có cơ sở quyết toán Hợp đồng EPC như Biên bản quyết toán số 26/BBQT/PVPMB-LILAMA ngày 31/7/2025, Tập đoàn PVN đã thành lập Tổ thẩm định quyết toán Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Sông Hậu 1 (bắt đầu làm việc với Ban QLDA từ đầu tháng 12/2025). Sau khi có ý kiến của Tập đoàn về kết quả của Tổ thẩm định, hai Bên sẽ tiến hành ký kết Biên bản điều chỉnh quyết toán làm cơ sở quyết toán Hợp đồng EPC. Dự kiến công tác quyết toán và thu hồi vốn dự án sẽ kết thúc vào quý III/2026.

- **Dự án Nhiệt điện Long Phú 1:** Dự án bị tạm dừng và đang tiến hành công tác thanh quyết toán Hợp đồng đã ký với Tổng thầu PTSC/Chủ đầu tư PVN.

- **Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1:**

- Giá trị Hợp đồng EPC trước thuế: 694,03 triệu USD và 11.436,53 tỷ đồng;
- Giá trị hoàn thành trước thuế đến 31/12/2025: 693,23 triệu USD và 10.916,94 tỷ đồng (đạt 97,8%);
- Dự án đã hoàn thành và phát điện thương mại;
- Đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư vào quý I năm 2025 tuy nhiên vẫn chưa xử lý dứt điểm để thu hồi giá trị còn lại do Chủ đầu tư vẫn chờ ý kiến của Kiểm toán Nhà nước vào kiểm toán phần chi phí phát sinh không lường trước của Dự án trước khi thanh toán cho LILAMA.

- **Dự án Nhà máy điện Ô Môn 1:**

- Giá trị Hợp đồng EPC trước thuế (Phạm vi của LILAMA): 25,18 triệu USD và 769,57 tỷ đồng tương đương 1.429,02 tỷ đồng;
- Trong năm 2025, LILAMA đã hoàn thành ký Hợp đồng thỏa thuận Liên danh với Nhà thầu EVNGENCO3 để thực hiện Hợp đồng EPC và Hợp đồng thiết kế kỹ thuật/Cung cấp thiết bị chính với Nhà thầu MHI;

- Đã hoàn thiện và trình nộp các tài liệu/quy trình chung của dự án để Chủ đầu tư xem xét phê duyệt;
- Đang tiến hành các công tác chuẩn bị để khởi động dự án. Dự kiến trong quý I/2026 sẽ tiến hành ép cọc thử và thi công các hạng mục công trình tạm.

- Các dự án khác:

Ngoài các Dự án lớn đã nêu trên, Tổng công ty đã và đang triển khai thi công một số Dự án khác như:

- Các dự án mới ký trước năm 2025 như: Trụ sở Tỉnh ủy Cà Mau, Bệnh viện U bướu Kiên Giang, Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long...và các dự án sân trạm như trạm 220kV Đắc Oóc, Bờ Y, Vũng Áng: Công tác thi công và thu hồi vốn của các dự án này tuân thủ đúng theo Hợp đồng đã ký;
- Các dự án mới ký trong năm 2025 như: Dự án Trạm biến áp 500kV Tây Hà Nội; Trạm biến áp 500kV Pleiku 2; Trạm biến áp 500kV Lai Châu; Trạm bơm Hoàng Khánh; Hồ chứa nước Cánh Tạng; Trạm bơm Ngõ Xá: Công tác thi công và thu hồi vốn của các dự án này được triển khai đúng tiến độ, tuân thủ đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng đã ký kết, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, an toàn.

- Các dự án tồn tại trong thời gian dài về công tác quyết toán, thu hồi vốn:

- Một số dự án đã quyết toán nhưng chưa hoàn thành công tác thu hồi vốn: Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Vàng; Nhà máy Xi măng Sông Gianh; Nhà máy Xi măng Sông Thao; Bào tàng Hà Nội.

d. Công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng và an toàn lao động:

Đối với các dự án EPC như Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4...Tổng công ty đã tập trung các kỹ sư có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các công việc thiết kế, quản lý giao diện, mua sắm các vật tư thiết bị theo đúng tiến độ của dự án;

Đối với các dự án trong vai trò là Nhà thầu chế tạo lắp đặt, Tổng công ty đã tổ chức lập các biện pháp thi công một cách khoa học, an toàn và chỉ đạo giám sát chặt chẽ tất cả các hạng mục công việc. Theo đó, kết quả thực hiện luôn được các Chủ đầu tư, Tổng thầu và Nhà thầu chính đánh giá cao;

Đối với thị trường năng lượng mới (các dự án Hydro xanh, Amoniac xanh), Tổng công ty đặc biệt chú trọng công tác xây dựng lực lượng kỹ sư và công nhân có trình độ cao nhằm nâng cao năng lực nội tại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật khắt khe cho công tác chế tạo, lắp đặt Modul của các dự án được sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế và xuất khẩu sang các nước phát triển trên thế giới;

Nghiên cứu tìm tòi công nghệ chế tạo, lắp đặt để kịp thời nắm bắt đón đầu các dự án lớn, trọng điểm của đất nước trong thời gian tới như các dự án đường sắt tốc độ cao, dự án nhà máy điện hạt nhân....;

Tại các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện, công tác đảm bảo an toàn cho người lao động và thiết bị/máy móc thi công luôn được Tổng công ty đặt lên hàng đầu song song với việc đảm bảo tiến độ, chất lượng nhằm tránh xảy ra các tai nạn đáng tiếc trên công trường.

3.2. Tình hình tài chính Các công ty con, công ty liên kết năm 2025:

Đơn vị: Triệu đồng

	Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I	Các công ty con						
1	CTCP Lilama 5	281.385	(122.608)	51.498	30.026	(5.374)	(5.374)
2	CTCP Lilama 7	61.481	(71.498)	50.000	10.032	(32.328)	(32.328)
3	CTCP Cơ khí Lắp máy Lilama	186.545	5.038	32.652	48.361	(998.206)	(998.206)
4	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	8.852	7.691	9.600	-	296	296
5	Công ty LILAMA SEA	61.362	47.349	17.102	42.253	1.207	1.207
II	Các công ty liên kết						
1	CTCP Lilama 10	1.298.179	302.687	98.900	1.438.175	50.018	37.669
2	CTCP Lilama 18	1.379.874	306.010	93.887	1.520.504	20.166	16.188
3	CTCP Lilama 69-1	547.435	(102.607)	75.762	50.920	(71.229)	(71.229)
4	CTCP Lilama 69-3	591.159	84.124	82.794	633.616	5.761	947
5	CTCP Lilama 45.1	498.892	(31.813)	48.000	146.736	(7.916)	(7.916)
6	CTCP Lilama 45.3	323.933	5.195	35.000	7.269	(5.399)	(5.399)
7	CTCP Lilama 45.4	115.163	(158.467)	40.000	-	(6.687)	(6.687)
8	CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	105.878	30.684	15.000	54.061	769	154
9	CTCP Lilama Land	121.784	117.646	104.713	34.985	14.372	11.401
10	CTCP TVTK XD và Công nghệ Lilama	2.156	2.060	4.400	-	(10)	(10)

4. Tình hình tài chính Công ty mẹ

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	5.456,85	6.720,78	23,16%
Vốn chủ sở hữu	997,2	1.464,81	46,89%
Doanh thu thuần	6.063,68	5.337,70	-11,97%
Giá vốn hàng bán	5.962,37	4.946,29	-17,04%
Lợi nhuận gộp	101,31	391,42	286,36%
Doanh thu tài chính	141,19	147,73	4,63%
Chi phí tài chính	127,96	124,29	-2,87%
Lãi từ công ty LK	-	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39,35	17,05	-56,67%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2025 của LILAMA

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	1,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,15	1,20
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	81,73	78,20%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	447,22	3,59

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	39,32	14,73
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,09	0,79
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,55	9,50%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,45	34,62%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,73	7,55%
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	1,24	7,45%

Nguồn: Tính toán căn cứ trên số liệu BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2024, 2025 của LILAMA

5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của LILAMA tại ngày 31/12/2025

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	78.032.404	87,88%	1		
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI					
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
4	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VHĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác					
	- Trong nước	1.678.690		347		347
	- Nước ngoài	15.010		2		2
TỔNG CỘNG				79.726.104		
<i>Trong đó: - Trong nước</i>				<i>79.711.094</i>		
<i>- Nước ngoài</i>				<i>15.010</i>		
<i>- Cá nhân</i>				<i>78.032.404</i>		
<i>- Tổ chức</i>				<i>1.693.700</i>		

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty được chốt ở mức 49%

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty (79.726.104 cổ phần) hoàn toàn là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.706.304 cổ phần, chiếm 99,985% tổng số cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo cam kết năm làm việc khi thực hiện cổ phần hóa đối với cán bộ CNV Tổng Công ty): 12.000 cổ phần, chiếm 0,015% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ.

Từ thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần năm 2016 cho đến nay, LILAMA chưa thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn cổ phần nào bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ hay phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Tổng Công ty không thực hiện thống kê.

Hoạt động của Tổng công ty phát sinh khí nhà kính chủ yếu từ quá trình thi công, vận hành máy móc và sử dụng năng lượng tại các công trường, nhà máy và văn phòng. Phát thải bao gồm cả trực tiếp (từ nhiên liệu đốt) và gián tiếp (từ tiêu thụ điện năng).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

LILAMA chú trọng áp dụng công nghệ thi công hiện đại, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng tại một

số cơ sở, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và đẩy mạnh đào tạo nội bộ về bảo vệ môi trường. Tổng Công ty đang từng bước xây dựng hệ thống kiểm kê phát thải và nghiên cứu thực hiện báo cáo ESG trong tương lai.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng Công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ, ... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho các dự án nhiệt điện đốt than. Các thiết bị như Tuabin, lò hơi, máy phát, ... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp, ... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng Công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cơ chế quản lý tốt việc nhập máy móc, nguyên nhiên vật liệu từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, LILAMA tin tưởng sẽ đóng góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Trong năm, LILAMA sử dụng nguyên vật liệu chủ yếu phục vụ chế tạo thiết bị, lắp đặt cơ khí và xây dựng công trình công nghiệp. Các vật liệu phổ biến bao gồm thép tấm, ống thép, xi măng, vật liệu chịu lửa và linh kiện cơ khí.

Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Tổng Công ty không thực hiện thống kê

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng tiêu thụ bao gồm điện năng (gián tiếp) và nhiên liệu (trực tiếp) tại các nhà máy, công trường và văn phòng. Hiện Tổng công ty không thực hiện thống kê

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Một số đơn vị đã áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng như cải tiến thiết bị, quy trình vận hành và tăng cường bảo trì định kỳ giúp giảm đáng kể tiêu hao năng lượng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.4. Tiên thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng năm 2025: Tổng công ty không thực hiện thống kê

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Tổng Công ty không thực hiện thống kê.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại Tổng Công ty hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường. LILAMA chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường là 0 đồng. Với ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường, LILAMA luôn cam kết việc hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là 828 người. Mức lương trung bình đối với người lao động Tổng công ty là 18,2 triệu đồng /người/ tháng.

– Chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và phúc lợi, an sinh xã hội

- Nâng cao nhận thức cho các nhân viên ở tất cả các cấp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động của Tổng Công ty.
- Xây dựng hệ thống và các quy trình tích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế được nêu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và xã hội. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với các tác động tiêu cực, và nếu không thể ngăn ngừa thì giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng.
- Tuân thủ luật pháp quốc gia, các quy định và các yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Đảng ủy, lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, công khai, công bằng, dân chủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định. Qua đó, khuyến khích,

tạo động lực cho cán bộ nhân viên, đảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;

Hội đồng thi đua khen thưởng của LILAMA luôn hoạt động tích cực, tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng thường xuyên hoặc theo chuyên đề rộng khắp toàn Tổng công ty, đặc biệt tại các công trường dự án trọng điểm của LILAMA. Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát trên cơ sở đăng ký thi đua, kết quả thi đua của từng đơn vị nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để báo cáo Bộ Xây dựng biểu dương và nhân rộng điển hình tiên tiến.

b) Kết quả các phong trào thi đua

Công tác thi đua năm 2025 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng Công ty và Ban dự án. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, là động lực thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Công tác thi đua năm 2025 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng công ty, các phòng ban đơn vị. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, tạo động lực thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Tổng công ty đã Tổ chức thành công Hội nghị tuyên dương điển hình tiên tiến, lao động giỏi, lao động sáng tạo giai đoạn 2020-2025 của Tổng công ty, đồng thời đề cử cá nhân tham dự Đại hội Thi đua yêu nước Bộ Xây dựng và Đại hội thi đua yêu nước Toàn quốc giai đoạn 2020-2025 lần thứ XI. Cụ thể kết quả như sau:

- Khen thưởng Giấy khen Tổng công ty cho điển hình tiên tiến, lao động giỏi, lao động sáng tạo giai đoạn 2020-2025 của Tổng công ty: 50 cá nhân
- Cử đại biểu tham dự Đại hội Thi đua yêu nước Bộ Xây dựng: 08 cá nhân
- Cử đại biểu tham dự Đại hội Thi đua yêu nước Toàn quốc: 01 cá nhân

c) Công tác khen thưởng

Năm 2025, Tổng công ty đã tổng hợp hồ sơ, bình xét, đề nghị khen thưởng thành tích năm 2024 đối với những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác. Kết quả như sau:

- Đối với tập thể:

○ Lao động tiên tiến:	23 tập thể
○ Giấy khen Tổng công ty:	34 tập thể
○ Tập thể lao động xuất sắc:	04 tập thể
○ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng:	01 tập thể
– Đối với cá nhân:	
○ Lao động tiên tiến:	867 cá nhân
○ Giấy khen Tổng công ty:	298 cá nhân
○ Chiến sỹ thi đua cơ sở:	200 cá nhân
○ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng:	16 cá nhân
○ Danh hiệu Niên hạn Ngành Lắp máy:	21 cá nhân
○ Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng:	08 cá nhân

d) Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2026.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2025 đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu;

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, đặc biệt là các đợt thi đua cao điểm tại các công trình, dự án trọng điểm của Tổng công ty trên phạm vi toàn quốc, với mục tiêu nâng cao năng suất lao động, bảo đảm tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

Tăng cường công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến, góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Tổng công ty;

Thực hiện kịp thời công tác khen thưởng đột xuất đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đặc biệt xuất sắc trong lao động, sản xuất kinh doanh, nhất là những đóng góp mang lại hiệu quả cao, tạo dấu ấn nổi bật, góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

LILAMA đang từng bước nghiên cứu và tiếp cận các tiêu chuẩn tài chính xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời gian tới, công ty định hướng tích hợp các yếu tố môi trường vào quá trình đánh giá và triển khai dự án để đáp ứng yêu cầu của thị trường vốn xanh.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH 2025
1.	Sản lượng	6.576,9	5.686,1	86,4%
2.	Doanh thu	5.965,5	5.687,8	95,3%
3.	Lợi nhuận trước thuế	110,0	598,9	544,4%
4.	Nộp ngân sách nhà nước	100,0	260,6	260,6%
5.	Tỷ lệ cổ tức (%) (*)	7,0%/năm	0%	0%
6.	Đầu tư	50,0	7,2	14,4%
7.	Quỹ lương NLĐ	347,4	261,1	75,2%

(Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025)

(*) Theo phương án phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty sẽ sử dụng Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận còn lại chưa phân phối để phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ.

Tổng công ty đã chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, tập trung nguồn lực thi công tại các dự án trọng điểm, qua đó đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các hạng mục có giá trị lớn. Đồng thời, việc mở rộng phạm vi công việc tại các hợp đồng hiện hữu cũng như ký kết bổ sung một số gói thầu mới đã góp phần gia tăng đáng kể quy mô doanh thu so với kế hoạch ban đầu.

Ngoài ra, công tác quản lý dự án và phối hợp với chủ đầu tư, tư vấn giám sát được cải thiện rõ rệt, đặc biệt trong khâu nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ thanh toán, giúp rút ngắn thời gian ghi nhận doanh thu. Tổng công ty cũng tăng cường kiểm soát tiến độ, chất lượng và tối ưu hóa tổ chức thi công, từ đó nâng cao hiệu suất thực hiện và khả năng hoàn thành khối lượng công việc trong kỳ.

Tổng hợp các yếu tố trên, doanh thu năm 2025 cho thấy hiệu quả trong công tác điều hành, năng lực thi công và khả năng thích ứng của Tổng công ty, tạo nền tảng tích cực cho việc thực hiện kế hoạch kinh doanh trong các năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản - đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở định hướng tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm soát đầu tư, trong năm 2025, Công ty không ghi nhận biến động lớn về đầu tư tài sản dài hạn, chủ yếu duy trì và khai thác các tài sản hiện có.

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản đạt 6.720,8 tỷ đồng, tăng khoảng 23,1% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu (90,3%), cho thấy Công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động thi công và chu kỳ kinh doanh ngắn hạn. Đáng chú ý, các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh lên 2.802 tỷ đồng, chủ yếu từ phải thu khách hàng, phản ánh quy mô doanh thu và khối lượng nghiệm thu gia tăng, đồng thời đặt ra yêu cầu tăng cường quản lý và thu hồi công nợ.

Tài sản dài hạn đạt 650,9 tỷ đồng, chiếm 9,7% tổng tài sản, giảm nhẹ so với đầu năm. Cơ cấu tài sản dài hạn không có biến động lớn, trong đó tài sản cố định tiếp tục giảm do trích khấu hao, trong khi đầu tư tài chính dài hạn duy trì ổn định, chủ yếu là các khoản đầu tư vào đơn vị liên doanh, liên kết.

Tổng thể, cơ cấu tài sản năm 2025 phản ánh rõ đặc thù doanh nghiệp xây lắp với tỷ trọng lớn tập trung ở vốn lưu động, trong đó các khoản phải thu và hàng tồn kho đóng vai trò chủ yếu. Việc gia tăng mạnh các khoản phải thu là yếu tố cần được theo dõi và kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng tài sản và tính bền vững của tăng trưởng trong các kỳ tiếp theo.

2.2. Tình hình nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

Trong năm 2025, tổng nguồn vốn của Công ty đạt 6.720,8 tỷ đồng, tăng tương ứng với quy mô tổng tài sản, trong đó nợ phải trả tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn với 5.256,3 tỷ đồng (khoảng 78,2% tổng nguồn vốn), phản ánh đặc thù doanh nghiệp xây lắp phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay và chiếm dụng.

Nợ phải trả tăng 796,6 tỷ đồng (+17,8%) so với đầu năm, chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn (+625,5 tỷ đồng). Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, các khoản chiếm tỷ trọng lớn gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả và vay ngắn hạn. Đáng chú ý, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm xuống còn 627 tỷ đồng, phản ánh xu hướng giảm phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngắn hạn. Bên cạnh đó, dự phòng phải trả ngắn hạn tăng mạnh, cho thấy Công ty chủ động hơn trong việc ghi nhận và dự phòng các nghĩa vụ tiềm tàng.

Đối với nợ dài hạn, giá trị đạt 608,4 tỷ đồng, tăng 171 tỷ đồng (+39,0%), chủ yếu do dự phòng phải trả dài hạn tăng mạnh, trong khi dư nợ vay dài hạn duy trì ở mức thấp. Điều này cho thấy rủi ro tài chính dài hạn từ đòn bẩy vay vốn không lớn, nhưng nghĩa vụ dự phòng trong tương lai có xu hướng gia tăng.

Về vốn chủ sở hữu, đạt 1.464,5 tỷ đồng, tăng mạnh 467 tỷ đồng (+46,8%) so với đầu năm, chủ yếu nhờ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng cao (đặc biệt là lợi nhuận năm 2025). Điều này góp phần cải thiện năng lực tài chính và mức độ tự chủ vốn của Công ty.

Tổng thể, cơ cấu nguồn vốn năm 2025 cho thấy Công ty vẫn duy trì nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn, tuy

nhiên đã có sự cải thiện nhất định khi giảm dần phụ thuộc vào vay ngắn hạn và tăng cường tích lũy lợi nhuận. Trong thời gian tới, Công ty cần tiếp tục kiểm soát tốt nghĩa vụ nợ và cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu nhằm nâng cao tính bền vững tài chính

2.3. Tình hình thu hồi công nợ khó đòi

Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn chỉ đạo sát sao việc đánh giá, phân loại các khoản nợ đọng và thu hồi công nợ để có nguồn vốn bổ sung vào hoạt động SXKD. Việc thu hồi công nợ khó đòi của Tổng công ty vẫn còn nhiều khó khăn (Tính đến ngày 31/12/2025, Tổng công ty đã thu hồi được 38,0 tỷ đồng/141,6 tỷ đồng nợ đọng khó đòi). Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị đều đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, đồng thời có một số khoản nợ đã bắt đầu phát sinh quá hạn, dẫn đến việc LILAMA phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi;

Đến 31/12/2025, Tổng Công ty vẫn còn một số khoản công nợ phải thu kéo dài tại một số công trình với tổng giá trị là 103,6 tỷ đồng. Cụ thể:

- Công trình Xi măng Sông Thao: 41,6 tỷ đồng;
- Công trình 52 Lĩnh Nam (LILAMA Hà Nội): 38,4 tỷ đồng;
- Thủy điện An Điem (đưa vào sử dụng năm 2010): 12,6 tỷ đồng;
- Công trình Bảo tàng Hà Nội: 9,0 tỷ đồng;
- Công trình Xi măng Sông Gianh (đưa vào sử dụng năm 2006): 2,6 tỷ đồng;

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Về công tác tổ chức:

- Tổng công ty đã và đang thực hiện cơ cấu lại tổ chức theo Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2026. Thành lập mới các Bộ máy quản lý dự án (BQLDA, Ban điều hành, Ban dự án), các đơn vị thi công trực tiếp (Chi nhánh, xí nghiệp, tổ đội công trình...) đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

b. Về công tác cán bộ, lao động:

- Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2025 là 828 người, số lao động bình quân sử dụng năm 2025 là 1.180 người.
- Số lao động chấm dứt Hợp đồng: 1.076 người.
- Số lao động tuyển mới: 218 người.
- Số lao động tạm hoãn Hợp đồng lao động: 90 người.

- Điều động 82 lượt CBCNV cho các Phòng ban, đơn vị và Ban dự án.
- Số lao động nghỉ hưu: 05 người.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban lãnh đạo Tổng công ty quyết tâm, tập trung mọi nỗ lực, thực hiện mọi giải pháp để chỉ đạo, điều hành để duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026.

4.2. Kế hoạch doanh thu

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế, các dự án/công trình hiện hữu và tiềm năng, những yếu tố ảnh hưởng đối với thị trường, cùng với thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (Công ty mẹ) đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ KH2026/TH2025
1.	Sản lượng	5.686,1	3.700,0	65,0%
2.	Doanh thu	5.687,8	3.377,8	59,3%
2.1.	Doanh thu từ SXKD chính	5.337,7	3.317,8	62,2%
2.2.	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	350,1	60,0	17,1%
3.	Lợi nhuận trước thuế	598,9	450,0	75,1%
4.	Nộp ngân sách Nhà nước	260,6	150,0	57,5%
5.	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (*)	0%	0%	0%
6.	Đầu tư (**)	7,2	800,0	11.111,1%
7.	Quỹ lương NLD	261,1	290,5	111,02%

(*) Theo định hướng chiến lược của Tổng công ty, Tổng công ty tiếp tục có chủ trương tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính, đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất - kinh doanh...

(**) Bên cạnh việc đầu tư máy móc, trang thiết bị thi công, Tổng công ty – Công ty mẹ đang lựa chọn địa điểm thích hợp để nghiên cứu, đầu tư xưởng gia công chế tạo nhằm nâng cao năng lực tự thực hiện sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

4.3. Công tác đầu tư

Với mục đích nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của Tổng Công ty trong lĩnh vực gia công, chế tạo và tổ hợp nhằm giữ vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi là chế tạo cơ khí truyền thống cho thị trường trong nước và xuất khẩu do vậy cấp thiết phải đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo & tổ hợp thiết bị. Chủ trương đầu tư sẽ được Tổng công ty cân nhắc cẩn trọng và sẽ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành. Trong trường hợp Dự án được phê duyệt đầu tư, trong năm 2026, Tổng công ty dự kiến đầu tư 800 tỷ đồng để thuê/mua mặt bằng cũng như mua sắm một số máy móc thiết bị để xây dựng Nhà máy.

4.4. Điều hành và quản lý thi công các dự án

Trong năm 2026, do không còn nhiều dự án đang thi công, Tổng công ty sẽ tập trung tối đa nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án dở dang, nhằm thu hồi vốn trong thời gian sớm nhất. Đồng thời, Tổng công ty cũng sẽ triển khai và bám sát tiến độ thực hiện các dự án EPC mới ký kết, tiêu biểu như Nhà máy điện Ô Môn I và Nhà máy điện LNG Quảng Trạch II.

4.5. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

Sau khi được Bộ Xây dựng và ĐHĐCĐ thông qua, Tổng công ty sẽ triển khai thực hiện các nội dung theo định hướng chiến lược phát triển 5 năm của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP giai đoạn 2026 - 2030;

Đối với công tác tổ chức, lao động: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giảm nhân sự các phòng ban; tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động có trình độ phù hợp với thực tế công việc;

Trong năm 2026, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP sẽ tiến hành thực hiện việc chi trả tiền lương theo vị trí làm việc để tăng năng suất và hiệu quả làm việc của CBCNV Tổng Công ty.

4.6. Công tác thị trường

Trong thời gian tới Tổng công ty tiếp tục tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là EPC, xây lắp và Cơ khí chế tạo.

– Ngành EPC, xây lắp:

- Ưu tiên khai thác các dự án công nghiệp điện như Xây dựng mới các nhà máy; Cải tạo và

năng cấp các Nhà máy điện hiện hữu; Xây dựng trạm điện, đường dây....Đây là thị trường tiềm năng, tăng trưởng bền vững do đã được Chính phủ quy hoạch ổn định.

- Tham gia nhiều hơn vào các dự án công nghiệp dầu khí (nhà máy lọc hóa dầu, hóa chất, nhà máy khí, đường ống khí...).
- Tiếp tục tham gia các dự án công nghiệp khác (xi măng, thép, VLXD...).
- Đón đầu các dự án lớn, trọng điểm của đất nước trong thời gian tới như các dự án đường sắt tốc độ cao, dự án nhà máy điện hạt nhân....
- Ngành Cơ khí chế tạo:
 - Cơ khí xuất khẩu:
 - Tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu qua việc cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian khác phục vụ công tác lắp ráp sản phẩm cuối cùng cho các tập đoàn, công ty trên thế giới.
 - Tận dụng các cơ hội kinh doanh từ thị trường năng lượng mới (các dự án Hydro xanh, Amoniac xanh).
 - Đáp ứng xu hướng Modul hóa trong việc xây dựng các nhà máy công nghiệp trên thế giới.
 - Chế tạo trong nước:
 - Hợp lý hóa cơ cấu sản phẩm cơ khí theo hướng củng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm chế tạo trong lớp công nghệ thiết bị phụ trợ cao cấp hơn phục vụ cho các dự án EPC, dự án năng lượng mới...

4.7. Công tác tài chính

Trong năm 2026, một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Tổng công ty là phải đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thu hồi các khoản công nợ, nợ đọng để giảm thiểu hệ số nợ vay và chi phí tài chính phải gánh chịu, góp phần cải thiện tình hình tài chính cũng như bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với đó, Tổng công ty cũng có nhu cầu tăng vốn điều lệ để đầu tư thiết bị, nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất.

4.8. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã ký kết hợp đồng.
- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nhằm giảm chi phí phát sinh, sử dụng tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu.

4.9. Công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, vấn đề con người luôn được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2026, tiếp tục lập quy hoạch cán bộ, tìm người có trình độ phù hợp với từng vị trí công tác để từ đó đào tạo, bồi dưỡng.
- Số lượng lao động hiện nay tạm thời đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các dự án. Tuy nhiên, cần tiếp tục đào tạo để nâng cao hơn trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4.10. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty:

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của LILAMA.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của LILAMA.
- Quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA.

4.11. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện thể hiện qua các giá trị như: môi trường làm việc, các tiêu chuẩn trong công việc, thái độ giao tiếp...
- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy... và trước hết ở cơ quan điều hành.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng, Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước.

4.12. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:

Tiếp tục phát huy và triển khai các phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng như truyền thống từ trước đến nay của LILAMA.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng Công ty

Tổng Công ty luôn tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam, không chỉ phục vụ trong lĩnh vực ngành nghề chính để khẳng định thương hiệu của mình, mà còn nhằm mục đích giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... Tổng Công ty còn kêu gọi việc nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng Công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Lilama gắn với bảo vệ môi trường sống cho con người.

Tổng Công ty xây dựng Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2026 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đảm bảo và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng” trong phạm vi toàn LILAMA với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác.
- Hướng nội dung các phong trào thi đua yêu nước vào giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, vướng mắc, những mặt còn tồn tại của LILAMA như tình gián bộ máy, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp toàn Tổng Công ty, tái cơ cấu doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường và đấu thầu để có thêm nhiều dự án mới...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, động viên cán bộ công nhân viên lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt quan tâm triển khai tại những công trình dự án xa trung tâm, những người lao động trực tiếp có điều kiện sống và làm việc gặp nhiều khó khăn.
- Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua liên kết, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Đôn đốc thực hiện các chỉ thị hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Bộ, ban ngành và Chính phủ.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống của đoàn viên, người lao động Tổng Công ty: Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể thao, có nhiều hình thức động viên đối với con em CBCNV vào các dịp Tết trung thu, tết thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt...

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

❖ *Đánh giá về Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty:*

Trong năm 2025, LILAMA tiếp tục hoạt động trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường xây lắp, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng có sự chuyển dịch mạnh, các dự án nhiệt điện truyền thống dần thu hẹp trong khi các lĩnh vực năng lượng mới chưa tạo được nguồn việc ổn định. Bên cạnh đó, áp lực về giá nguyên vật liệu, chi phí tài chính và cạnh tranh trong ngành tiếp tục gia tăng.

Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh, giám sát và thúc đẩy tiến độ, chất lượng thi công các dự án, kiểm soát chi phí, đánh giá rủi ro, đồng thời định hướng chuyển dịch, mở rộng thị trường và tăng cường hợp tác chiến lược để nâng cao năng lực cạnh tranh... Nhờ đó, Tổng công ty duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước tháo gỡ khó khăn, bảo đảm việc làm, thu nhập và các chế độ, chính sách cho người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng công ty, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH 2025
1	Doanh thu	5.965,5	5.687,8	95,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	110,0	598,9	544,4%
3	Nộp ngân sách nhà nước	100,0	260,6	260,6%
4	Tỷ lệ cổ tức (%)	7,0%/năm	0%	0%
5	Đầu tư	50,0	7,2	14,4%
6	Quỹ lương NLĐ	347,38	261,1	75,2%

(Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán năm 2025)

Trong giai đoạn 2021~2025, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, chịu tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, biến động địa chính trị, xung đột khu vực và các chính sách thương mại quốc tế. Những yếu tố này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư xây dựng, chuỗi cung ứng, giá nguyên vật liệu và tiến độ triển khai các dự án.

Trước những khó khăn, thách thức nêu trên, Tổng công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp

trong Đề án tái cơ cấu, tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác điều hành sản xuất, tối ưu nguồn lực, kiểm soát chi phí và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty từng bước được ổn định và phục hồi tích cực từ năm 2024.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Công ty mẹ trong giai đoạn 2021–2025 như sau: tổng doanh thu đạt 22.947,9 tỷ đồng, bằng 92,3% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 621,4 tỷ đồng, bằng 297,3% kế hoạch; số nộp ngân sách nhà nước đạt 488,8 tỷ đồng, bằng 128,6% kế hoạch đề ra. Kết quả này cho thấy Tổng công ty đã hoàn thành cơ bản mục tiêu về doanh thu và vượt xa mục tiêu về lợi nhuận và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo Đề án tái cơ cấu.

Xét theo diễn biến từng năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty có sự biến động rõ rệt. Trong các năm 2022–2023, Tổng công ty ghi nhận kết quả kinh doanh không thuận lợi, phát sinh lỗ hợp nhất do ảnh hưởng của chi phí tài chính, trích lập dự phòng và khó khăn trong triển khai các dự án. Tuy nhiên, từ năm 2024, kết quả kinh doanh đã có sự cải thiện rõ nét, đặc biệt năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận đột biến, phản ánh hiệu quả của các giải pháp tái cơ cấu và việc hoàn thành, bàn giao các dự án lớn.

Về cơ cấu hoạt động, Công ty mẹ tiếp tục giữ vai trò chủ lực, đóng góp phần lớn doanh thu và lợi nhuận của toàn Tổng công ty. Trong khi đó, các công ty con hoạt động chưa hiệu quả, kết quả kinh doanh còn thua lỗ kéo dài và tỷ trọng đóng góp vào tổng doanh thu có xu hướng giảm. Tổng công ty đã và đang triển khai các giải pháp tái cơ cấu, sắp xếp lại các đơn vị thành viên, từng bước thoái vốn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

Trong giai đoạn này, Tổng công ty đã hoàn thành và bàn giao nhiều dự án trọng điểm quốc gia và công trình quy mô lớn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn, góp phần khẳng định uy tín và năng lực trong lĩnh vực tổng thầu EPC và lắp máy công nghiệp. Đồng thời, Tổng công ty đã tích cực tham gia các dự án năng lượng mới, từng bước tiếp cận các lĩnh vực có tiềm năng phát triển như điện khí và năng lượng xanh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: doanh thu và lợi nhuận chưa ổn định, phụ thuộc lớn vào tiến độ và quy mô các dự án; hiệu quả hoạt động của các công ty con còn thấp; quá trình tái cơ cấu chưa hoàn tất; tiềm ẩn rủi ro về tài chính và dòng tiền.

Tổng thể, giai đoạn 2021–2025 là giai đoạn Tổng công ty tập trung thực hiện tái cơ cấu, vượt qua nhiều khó khăn và đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu, tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

❖ **Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Đầu tư của Tổng Công ty**

– **Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác**

Theo kế hoạch, giá trị đầu tư dự kiến là 50 tỷ đồng. Trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện đầu tư 7,2 tỷ đồng, tương đương 14,4% kế hoạch năm. Công tác đầu tư chủ yếu tập trung vào các hạng mục thiết yếu phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty và tạm ứng cho dự án đầu tư Hệ thống văn phòng điện tử.

– **Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết**

Tổng giá trị đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2025 là 569,7 tỷ đồng. Giá trị đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác đến 31/12/2025 không vượt Vốn điều lệ và Vốn chủ sở hữu. Chi tiết tình hình của các công ty thành viên trong năm 2025 như sau:

- Đầu tư vào 5 Công ty con, giá trị đầu tư: 49,5 tỷ đồng; kết quả sản xuất kinh có 02/05 Công ty có lãi (LILAMA SEA, LHT), 03/05 công ty lỗ (LILAMA 5, LILAMA 7, Cơ khí Lắp máy LILAMA); 04/05 Công ty còn có lỗ lũy kế (LILAMA 5, LILAMA 7, Cơ khí Lắp máy LILAMA, LHT);
- Đầu tư vào 10 Công ty liên kết, giá trị đầu tư: 271,2 tỷ đồng; kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025 có 05/10 Công ty có lãi, 05/10 Công ty lỗ (LILAMA 69-1; LILAMA 45-1; LILAMA 45-3; LILAMA 45-4; Công ty CP TVTK XD&CN LILAMA); 05/10 Công ty có báo cáo còn lỗ lũy kế (LILAMA 45-1, LILAMA 45-3, LILAMA 45-4; LILAMA 69-1; và Công ty CP TVTK XD&CN LILAMA);
- Đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác gồm 07 Công ty, giá trị đầu tư: 248,9 tỷ đồng.

Trong năm 2025, LILAMA đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính theo đúng quy định (trích lập dự phòng bổ sung 5,0 tỷ đồng, Lũy kế đã trích lập dự phòng đến 31/12/2025: 121,1 tỷ đồng).

– **Tình hình thoái vốn ra ngoài doanh nghiệp**

Theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng và Đại hội đồng cổ đông thông qua, LILAMA sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại 02 công ty liên kết (CTCP LILAMA 10 và CTCP LILAMA 18) và thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty còn lại; Đối với Công ty LILAMA SEA, tùy thuộc vào tình hình việc làm tại Brunei và các thị trường lân cận, Tổng công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để LILAMA tiếp tục thực hiện theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn

Trong năm 2025, thực hiện Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã và đang triển

khai các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành để thoái vốn tại một số đơn vị thành viên, cụ thể: CTCP Thủy điện Hòa Na (đã thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá công khai, tuy nhiên, không có nhà đầu tư quan tâm); CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện (đã thẩm định giá, thực hiện thoái vốn theo phương thức giao dịch khớp lệnh trên sàn, tuy nhiên, giá giao dịch thấp hơn nhiều so với giá khởi điểm nên việc thoái vốn không thành công); CTCP LILAMA 69-1 (đã thẩm định giá, tuy nhiên, do Công ty thua lỗ nên không đủ điều kiện bán đấu giá công khai, trong khi đó, giá thị trường và thanh khoản thấp nên việc thực hiện thoái vốn bằng phương thức giao dịch trên sàn không khả thi); CTCP Tư vấn quốc tế LHT (đã định giá, tổ chức chào bán cạnh tranh, tuy nhiên không có nhà đầu tư tham gia, dự kiến sẽ làm thủ tục giải thể Công ty);

Ngày 14/06/2025, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, theo đó, việc thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước đã không còn bị hạn chế bởi điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Hiện nay, LILAMA đang chờ Nghị định của Chính phủ để có cơ sở thực hiện việc thoái vốn đầu tư của LILAMA;

Đồng thời, Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025 đã hết hiệu lực. LILAMA sẽ rà soát, xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và của các doanh nghiệp được góp vốn

❖ Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Quản lý tài chính của Tổng Công ty

Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành tăng cường công tác quản lý tài chính; đơn đốc thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho; kiểm soát dòng tiền và chi phí; đảm bảo an toàn tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Đồng thời, chỉ đạo xây dựng phương án vay vốn, phê duyệt hạn mức tín dụng; đẩy mạnh thanh quyết toán, thu hồi vốn và xử lý nợ đọng; thực hiện thanh lý tài sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản doanh nghiệp; thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Bảo cáo tài chính năm 2025 và chi trả cổ tức theo nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ngoài ra, HĐQT đã chỉ đạo công tác giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và việc chấp hành pháp luật tại các doanh nghiệp có phần vốn góp.

○ Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD tại Công ty mẹ:

Cơ cấu tài sản (%)

➤ Tài sản dài hạn/Tổng tài sản:	9,69%
➤ Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	90,31%

Cơ cấu nguồn vốn (%):

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 78,21%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn: 21,79%

Khả năng thanh toán (lần):

- Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH - HTK)/Tổng nợ ngắn hạn: 1,20 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành = TSLD/Nợ ngắn hạn: 1,31 lần

Tỷ suất lợi nhuận (%):

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 9,50%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân: 8,33%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân: 41,20%

○ Các chỉ số, kết quả trên đây cho thấy:

- Cơ cấu tài sản: Tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn, phù hợp với đặc thù hoạt động của Tổng công ty.
- Cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn chiếm 78,21%. Do vốn điều lệ hạn chế so với quy mô hoạt động, dẫn đến nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, kéo theo chi phí tài chính tương đối lớn.
- Khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tổng công ty hiện đang ở mức chấp nhận được so với đặc thù kinh doanh của ngành.
- Tỷ suất lợi nhuận: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2025 đạt 41,2%, tăng mạnh so với năm 2024 (đạt 9,45%). Tỷ suất lợi nhuận năm 2025 cao hơn trung bình ngành xây lắp cho thấy LILAMA đạt hiệu quả cao trong việc triển khai các dự án, công tác quản trị chi phí, quản trị rủi ro và thận trọng trong hạch toán kế toán.

❖ Đánh giá về Hoạt động quản trị doanh nghiệp

- HĐQT đã chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước triển khai chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và giám sát hoạt động của Tổng công ty.
- Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro.
- Thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán; cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện tối đa để Ban kiểm soát Tổng công ty hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

❖ Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

- Trong năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo kiện toàn bộ máy tổ chức; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động; hoàn thiện cơ cấu tổ chức thông qua việc thành lập phòng ban/trung tâm mới để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Về công tác tiền lương, chỉ đạo thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2024; xây dựng và triển khai quỹ tiền lương năm 2025, tổ chức chi trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.
- Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm điểm, đánh giá cán bộ theo đúng quy định; quản lý, kiện toàn Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp, cho ý kiến chỉ đạo để Người đại diện vốn biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT/ĐHĐCĐ, đảm bảo thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

❖ **Đánh giá về Công tác cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp**

- Về công tác cổ phần hóa: Hiện nay, công tác quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được hoàn tất, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất liên quan đến việc xác định phương án sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất tại một số lô đất mà Tổng công ty đang quản lý. HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để sớm tháo gỡ và hoàn tất thủ tục quyết toán, bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần theo quy định.
- Về thoái vốn nhà nước: Theo chỉ đạo của Chính phủ tại Văn bản số 4903/VPCP-ĐMDN ngày 04/6/2025, chưa thực hiện thoái vốn Nhà nước về 51% vốn điều lệ tại LILAMA đến hết năm 2025. Tại Báo cáo số 340/BC-ĐDV ngày 03/10/2025, Tổ đại diện phần vốn đã đề xuất Bộ Xây dựng tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu vốn Nhà nước tại LILAMA cho giai đoạn tiếp theo. Hiện nay, Tổ đại diện vốn đang chờ ý kiến chỉ đạo của Bộ Xây dựng để làm cơ sở triển khai thực hiện các công việc liên quan.
- Tình hình triển khai Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025: Triển khai Đề án cơ cấu lại LILAMA giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã và đang thực hiện cơ cấu lại toàn diện trên các mặt hoạt động như cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh (theo 02 ngành kinh doanh chính), cơ cấu lại tài chính (cơ cấu lại nợ, cơ cấu lại các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp...), cơ cấu lại tổ chức, nguồn nhân lực và cơ cấu lại quản trị doanh nghiệp.
- Đối với công tác cơ cấu lại các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo triển khai các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành để thoái vốn tại một số công ty có phần vốn góp của Tổng công ty (Thủy điện Hòa Na, CTCP Lắp máy TNCD, LILAMA 69-1, LHT). Tuy nhiên, việc thoái vốn tại các đơn vị này đều không đạt kết quả do không có nhà

dầu tư quan tâm, điều kiện thị trường không thuận lợi và/ hoặc vướng quy định pháp lý liên quan.

- Trên cơ sở các quy định của Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định 366/2025/NĐ-CP và Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt), HĐQT sẽ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng và triển khai công tác thoái vốn theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường.

❖ ***Việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025***

Trên cơ sở danh sách các Công ty Kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt, HĐQT đã thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

❖ ***Hoạt động giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác***

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng chỉ đạo, giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo mọi hoạt động của Tổng công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ LILAMA. Một số nội dung giám sát chủ yếu như sau:

- Giám sát việc tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT và việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ. Điều này giúp duy trì kỷ cương trong quản lý, đảm bảo các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh luôn bám sát mục tiêu, chiến lược đề ra.
- Giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thông qua cơ chế báo cáo định kỳ, chuyên đề và các cuộc họp giao ban, cuộc họp hội đồng quản trị mở rộng. Qua đó, HĐQT đã đưa ra các chỉ đạo, định hướng kịp thời để hỗ trợ Ban điều hành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, HĐQT chú trọng giám sát tiến độ thi công các dự án trọng điểm cũng như công tác đảm bảo an toàn lao động và chất lượng thi công công trình, coi đây là yếu tố then chốt để bảo vệ uy tín thương hiệu LILAMA.
- Giám sát thông qua việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ nhằm tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, minh bạch, tạo điều kiện để Tổng giám đốc và cán bộ quản lý chủ động, linh hoạt trong điều hành những vấn đề đảm bảo sự kiểm soát chặt chẽ, hạn chế phát sinh rủi ro trong quá trình hoạt động.
- Giám sát công tác quản lý tài chính, dòng tiền, công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các công trình đã hoàn thành và việc bảo toàn, phát triển phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty, qua đó kịp thời xử lý các vấn đề tồn tại, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Giám sát công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, chỉ đạo Ban điều hành nhận diện sớm các

nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để có phương án ứng phó chủ động, kịp thời.

- Giám sát, đôn đốc Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán và cơ quan quản lý nhằm khắc phục các tồn tại, nâng cao tính tuân thủ và kỷ cương trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mối quan hệ phối hợp giữa HĐQT và Tổng giám đốc luôn được duy trì chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, tạo sự minh bạch và thống nhất cao trong bộ máy lãnh đạo. Thông qua các hoạt động nêu trên, HĐQT đánh giá công tác giám sát trong năm qua đã được thực hiện một cách hiệu quả, góp phần nâng cao tính tuân thủ trong quản lý điều hành. Sự giám sát chặt chẽ nhưng linh hoạt của HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi, tiếp thêm động lực để Tổng giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý nỗ lực phấn đấu, hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bảo vệ tối đa lợi ích của Tổng công ty và các cổ đông.

2. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT

Năm 2026 là năm khởi đầu triển khai Định hướng phát triển giai đoạn 5 năm (2026-2030) của Tổng công ty, trong bối cảnh thị trường ngày càng biến động phức tạp và khó đoán định. Đồng thời, đây cũng là năm bản lề mang tính chuyển tiếp khi nhiều công trình trọng điểm của Tổng công ty đi vào giai đoạn cuối hoàn thiện, trong khi các dự án mới ký kết hợp đồng chưa được triển khai thi công. Thực tế này đặt ra áp lực lớn đối với Tổng công ty trong việc duy trì nguồn việc và đảm bảo tăng trưởng doanh thu.

Trên cơ sở đó, HĐQT đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trên nguyên tắc thận trọng, bám sát khả năng thực hiện, ưu tiên đảm bảo nguồn việc, doanh thu ổn định và cân đối dòng tiền.

Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty mẹ năm 2026 như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ KH2026/TH2025
1	Sản lượng	5.686,1	3.700,0	65,0%
2	Doanh thu	5.687,8	3.377,8	59,3%
2.1	Doanh thu từ SXKD chính	5.337,7	3.317,8	62,2%
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	350,1	60,0	17,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	598,9	450,0	75,1%

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ KH2026/TH2025
4	Nộp ngân sách Nhà nước	260,6	150,0	57,5%
5	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (*)	0%	0%	0%
6	Đầu tư (**)	7,2	800,0	11.111,1%
7	Quỹ lương NLĐ	261,1	290,5	111,02%

(*) Theo Định hướng chiến lược giai đoạn 2026-2030, Tổng công ty tiếp tục có chủ trương tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính, đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất, mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh...

(**) Bên cạnh việc đầu tư máy móc, trang thiết bị thi công, Tổng công ty dự kiến đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo và tổ hợp thiết bị LILAMA sau khi phương án/dự án đầu tư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong giai đoạn tới, HDQT xác định Tổng công ty vừa đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa tập trung triển khai nhiều nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược, bao gồm:

- Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề trong bối cảnh cơ cấu ngành năng lượng thay đổi mạnh mẽ nhằm thích ứng với xu hướng thị trường, mở rộng nguồn việc và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư Nhà máy chế tạo và tổ hợp thiết bị của LILAMA nhằm nâng cao năng lực sản xuất và chế tạo; tăng tỷ lệ tự thực hiện và chủ động trong tổ chức sản xuất, đồng thời nắm bắt cơ hội từ xu hướng mô đun hóa, tạo nền tảng phát triển bền vững cho lĩnh vực cơ khí chế tạo trong giai đoạn 2026-2030.
- Tăng vốn điều lệ để đầu tư Nhà máy chế tạo nói trên; mua sắm, nâng cao năng lực thiết bị, đổi mới công nghệ; bổ sung vốn lưu động nhằm đáp ứng đủ năng lực để tiếp tục là nhà thầu EPC hàng đầu tham gia các dự án trọng điểm quốc gia cũng như các dự án tại nước ngoài, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu
- Cơ cấu lại vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác để tập trung nguồn lực cho lĩnh vực cốt lõi và dự án đầu tư trọng điểm.
- Đổi mới mô hình tổ chức thực hiện dự án, nâng cao chất lượng quản trị, mở rộng thị trường trong nước và từng bước phát triển ra thị trường quốc tế.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Trên cơ sở các định hướng chiến lược trên đây, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo triển khai các nhóm giải pháp chính sau:

- Giải pháp về sản xuất kinh doanh và đầu tư
 - o Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường, chủ động tìm kiếm và tiếp cận các dự án phù hợp với năng lực của Tổng công ty, đảm bảo công việc cho năm 2026 và các năm tiếp theo.
 - o Tổ chức thi công các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026; góp phần gia tăng uy tín và thương hiệu LILAMA.
 - o Tập trung nguồn lực cho dự án đầu tư Nhà máy chế tạo và tổ hợp thiết bị LILAMA sau khi phương án/dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Giải pháp về tài chính
 - o Triển khai phương án tăng vốn điều lệ theo định hướng phát triển của Tổng công ty sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - o Đẩy mạnh công tác quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành, tại các đơn vị thành viên có nợ đến hạn phải trả; tăng cường công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đảm bảo cân đối tài chính và quản lý chặt chẽ dòng tiền.
- Giải pháp về tái cơ cấu và định hướng chiến lược phát triển: Trên cơ sở Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết liệt triển khai tái cấu trúc toàn diện từ mô hình quản trị, tài chính đến nguồn nhân lực, thoái vốn tại các đơn vị không thuộc ngành kinh doanh chính, hoạt động kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực cốt lõi và dự án đầu tư trọng điểm.
- Giải pháp về khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế và đổi mới sáng tạo
 - o Tổ chức vận hành hiệu quả Trung tâm Tư vấn thiết kế và Đổi mới sáng tạo; từng bước nâng cao năng lực tư vấn thiết kế, làm chủ các khâu thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công, đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án của Tổng công ty.
 - o Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong thiết kế, chế tạo, thi công và quản trị, điều hành nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.
- Giải pháp về bộ máy tổ chức và nhân sự

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn; nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, người đại diện vốn; điều phối, sử dụng nhân sự linh hoạt theo yêu cầu thực tế của dự án, kiểm soát chặt chẽ chi phí tiền lương, đảm bảo phù hợp với năng suất và hiệu quả công việc.
 - Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách nhân sự, tiền lương theo hướng vừa đảm bảo tính cạnh tranh, thu hút và giữ chân người lao động, vừa phù hợp với khả năng tài chính của Tổng công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.
- Giải pháp về quản trị
- Rà soát, sửa đổi bổ sung để ban hành áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Tổng công ty.
 - Quyết liệt triển khai và tối ưu hóa hệ thống văn phòng điện tử để tăng tốc độ xử lý công việc, tiết giảm chi phí, thủ tục hành chính và đảm bảo tính minh bạch trong mọi hoạt động quản trị.
 - Với việc thành lập phòng Quản lý chất lượng, siết chặt quy trình kiểm soát chất lượng, đảm bảo mọi hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của Tổng công ty đều đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra, qua đó duy trì và nâng cao uy tín thương hiệu LILAMA.
 - Tăng cường giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ tại các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty.

Với định hướng và các giải pháp nêu trên, HĐQT cam kết sẽ tập trung chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của LILAMA.

PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	Không
2	Ông Lê Văn Tuấn (*)	Thành viên HĐQT	Không
3	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	Không
4	Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	Không
5	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	Không
6	Ông Lê Đình Khanh	Thành viên HĐQT	Không

(*) Ông Lê Văn Tuấn chính thức được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT từ ngày 27/06/2025 để nghỉ hưu theo chế độ

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Trong năm 2025, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 83 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản để định hướng, chỉ đạo, xem xét quyết định các công việc trong thẩm quyền xử lý của HĐQT.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Bùi Đức Kiên	83	100%	
2.	Ông Lê Văn Tuấn	0	0%	Ông Lê Văn Tuấn đã nghỉ hưu từ ngày 01/10/2024. Đồng thời, ông Lê Văn Tuấn đã có đơn từ nhiệm TV HĐQT từ ngày 01/10/2024 và chính thức được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT từ ngày 27/06/2025
3.	Ông Nguyễn Văn Hùng	83	100%	
4.	Ông Trần Vũ Vương	83	100%	

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
5.	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	83	100%	
6.	Ông Lê Đình Khanh	34	100%	Bổ nhiệm ngày 27/06/2025

Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025 được trình bày chi tiết tại phụ lục 1a và phụ lục 1b của Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	Không
2.	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Không
3.	Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	Không

Trong năm vừa qua, BKS đã tiến hành 05 phiên họp nhằm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Hoạt động của BKS tập trung vào các nội dung chính như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính quý và báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025 (đã được soát xét), đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý điều hành hoạt động của Tổng Công ty;
- Rà soát các hợp đồng giữa Tổng Công ty với người có liên quan;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Tham gia ý kiến về báo cáo tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các phiên họp Hội đồng quản trị.

2.2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã chủ động trao đổi, thống nhất với Hội đồng quản trị về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát. Ban Kiểm soát thông báo kết quả công tác kiểm tra, giám sát đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý. HĐQT đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Tổng Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2025
I.	Hội đồng quản trị		
1	Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	835.200.000
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Nêu bên dưới
3	Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	676.800.000
4	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên	Nêu bên dưới
5	Ông Lê Đình Khanh	Thành viên	338.400.000

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập năm 2025
II.	Ban Điều hành		
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng giám đốc	894.240.000
2	Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng giám đốc	784.800.000
3	Ông Phạm Trung Thành	Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/05/2025)	425.564.000
4	Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng giám đốc	676.800.000
5	Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	676.800.000
III.	Ban kiểm soát		
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	691.200.000
2	Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	108.000.000
3	Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	108.000.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1.	Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng; Người được ủy quyền công bố thông tin	2.000	0,003%	10.000	0,013%	Do nhu cầu tài chính cá nhân

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Danh sách về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Tổng công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên được trình bày chi tiết tại phụ lục 3 của Báo cáo tình hình quản trị năm 2025.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2025, HĐQT Tổng Công ty đã tổ chức 83 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản để định hướng, chỉ đạo, xem xét quyết định các công việc trong thẩm quyền xử lý của HĐQT.

HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ. Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát

sinh thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, đảm bảo Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát các nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, theo đúng định hướng phát triển của Tổng Công ty, luôn không ngừng củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức, thực hiện các giải pháp đồng bộ để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát triển văn hóa doanh nghiệp, chú trọng công tác quản trị rủi ro để kịp thời phát hiện và có kế hoạch hành động, phù hợp, từng bước cải thiện và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

(theo Phụ lục đính kèm)

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT TỔNG CÔNG TY TU



NGUYỄN VĂN HÙNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-49
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-49
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	50
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	51

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ và phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10/08/2025.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên	
Ông Lê Đình Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2025
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/05/2025
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2025
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Văn Hùng - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Đức Kiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc

Số: 310326.011/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trong yếu tố gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý ưu các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

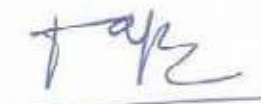
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.069.797.117.993	4.760.179.231.454
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.650.144.709.382	2.908.659.781.221
111	1. Tiền		1.659.825.709.382	1.471.159.781.221
112	2. Các khoản tương đương tiền		990.319.000.000	1.437.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.802.715.209.213	1.571.729.045.252
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.779.357.914.295	1.285.630.281.753
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	431.423.574.031	712.684.462.960
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	353.477.492.932	359.312.856.281
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	404.160.552.967	423.985.035.089
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.165.704.325.032)	(1.209.883.590.831)
140	IV. Hàng tồn kho	10	509.926.490.304	161.544.766.338
141	1. Hàng tồn kho		509.926.490.304	161.544.766.338
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		107.010.709.094	118.245.638.643
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	313.601.362	685.799.441
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		90.264.352.753	47.294.782.591
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	16.432.754.979	70.265.056.611
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		650.985.499.014	696.668.405.260
210	1. Các khoản phải thu dài hạn		171.000.000	8.742.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	171.000.000	8.742.000.000
220	II. Tài sản cố định		68.386.481.205	67.877.670.331
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	55.654.941.554	54.680.174.316
222	- Nguyên giá		433.105.347.246	427.739.809.859
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(377.450.405.692)	(373.059.635.543)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	2.065.295.932	2.505.252.292
225	- Nguyên giá		3.519.650.908	3.519.650.908
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.454.354.976)	(1.014.398.616)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	10.666.243.719	10.692.243.723
228	- Nguyên giá		12.465.728.212	12.465.728.212
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.799.484.493)	(1.773.484.489)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	10.815.178.770	13.120.334.922
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.312.784.750)	(44.007.628.598)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	38.059.007.898	35.609.189.360
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		38.059.007.898	35.609.189.360
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	448.555.662.044	453.588.459.589
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.498.345.589	49.498.345.589
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	271.222.251.568
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		248.959.582.264	248.959.582.264
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(121.124.517.377)	(116.091.719.832)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		84.998.169.097	117.730.751.058
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	82.687.929.097	115.420.511.058
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	2.310.240.000	2.310.240.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.720.782.617.007	5.456.847.636.714

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.256.250.090.260	4.459.648.220.309
310	I. Nợ ngắn hạn		4.647.843.541.504	4.022.309.008.597
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.434.234.469.195	1.457.169.239.601
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	454.003.737.246	319.350.772.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	69.212.222.709	1.004.032.467
314	4. Phải trả người lao động		89.831.753.306	86.529.330.715
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.364.978.507.993	782.620.965.087
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	743.341.460	743.341.460
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	177.997.759.367	197.014.083.698
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	627.387.325.271	952.739.379.406
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	374.868.178.544	167.535.646.441
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		54.586.246.413	57.602.216.891
330	II. Nợ dài hạn		608.406.548.756	437.339.211.712
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	13.076.185.471	13.714.796.931
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	1.151.886.839	1.151.886.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	408.385.378	1.108.474.582
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	593.770.091.068	421.364.053.360
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.464.532.526.747	997.199.416.405
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.464.807.019.187	997.473.908.845
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		119.083.256.395	102.025.238.585
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		548.462.722.792	98.187.630.260
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		41.327.570.894	3.972.157.775
421b	LNST chưa phân phối năm nay		507.135.151.898	94.215.472.485
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(274.492.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(274.492.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.720.782.617.007	5.456.847.636.714


Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	5.337.702.211.702	6.063.679.892.214
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.337.702.211.702	6.063.679.892.214
11	4. Giá vốn hàng bán	28	4.946.286.431.048	5.962.368.715.918
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		391.415.780.654	101.311.176.296
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	147.726.125.772	141.188.510.877
22	7. Chi phí tài chính	30	124.291.070.778	127.962.428.124
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.698.721.295	83.499.291.836
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	17.054.289.228	39.350.142.511
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		397.796.546.420	75.187.116.538
31	11. Thu nhập khác	32	202.371.149.981	20.503.099.463
32	12. Chi phí khác		1.271.570.079	45.674.160
40	13. Lợi nhuận khác		201.099.579.902	20.457.425.303
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		598.896.126.322	95.644.541.841
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	91.760.974.424	1.429.069.356
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>507.135.151.898</u>	<u>94.215.472.485</u>


Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

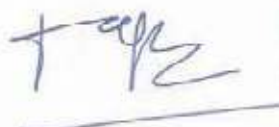
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		598.896.126.322	95.644.541.841
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.036.336.858	9.725.012.195
03	- Các khoản dự phòng		340.592.101.557	482.742.030.442
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(22.523.302.069)	(41.327.570.894)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(61.268.968.325)	(64.782.685.896)
06	- Chi phí lãi vay		54.698.721.295	83.499.291.836
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		919.431.015.638	565.500.619.524
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.204.427.366.027)	572.085.740.540
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(348.381.723.966)	(19.819.639.348)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		669.630.813.567	(489.824.936.823)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		33.104.780.040	(45.230.382.879)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.200.214.328)	(83.957.512.881)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(366.960.722)	(1.062.108.634)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.913.875.634)	(14.804.807.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.123.531.432)	482.886.972.499
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.689.810.118)	(1.118.591.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		89.879.091	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.835.363.349	4.002.475.163
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		58.268.163.736	56.725.002.619
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		54.503.596.058	59.608.885.964
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.840.782.064.625	3.824.550.232.101
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.166.134.118.760)	(4.115.659.765.987)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(700.089.204)	(700.089.204)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.849.729.900)	(35.775.942.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(353.901.873.239)	(327.585.565.390)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(300.521.808.613)	214.910.293.073
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.908.659.781.221	2.664.675.711.135
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		42.006.736.774	29.073.777.013
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>2.650.144.709.382</u>	<u>2.908.659.781.221</u>


Lai Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1 .ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ và phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 10/08/2025.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Tổng Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 828 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.579 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bùn điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của Tổng công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2025, lợi nhuận của Tổng Công ty tăng đáng kể so với năm trước, chủ yếu do Tổng Công ty đã thực hiện quyết toán một số dự án ở giai đoạn cuối với tỷ suất lợi nhuận cao, đồng thời thu hồi được các khoản phải thu khó đòi có giá trị lớn dẫn đến hoàn nhập dự phòng phải thu và hoàn nhập dự phòng bảo hành đối với các dự án đã hết thời hạn bảo hành.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng phải trả;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính giá thành hoạt động xây lắp;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10	năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại 124 Minh Khai, phường Trương Mai, Hà Nội	Không trích khấu hao	
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25	năm
--------------------------	---------	-----

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, tiền thuê mặt bằng trả trước kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê mặt bằng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước tạm tính giá vốn hoạt động xây lắp ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng: được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Giá vốn Hợp đồng xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành phù hợp với doanh thu và được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 .Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 .Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mất thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 .Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	966.629.505	792.779.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.658.859.079.877	1.470.367.001.409
Các khoản tương đương tiền (**)	990.319.000.000	1.437.500.000.000
	2.650.144.709.382	2.908.659.781.221

(*) Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 1.658.859.079.877 VND, trong đó tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn có gốc ngoại tệ gồm 45.660.125,51 USD và 294.608,19 EUR.

(**) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, được hưởng lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc ngoại tệ bao gồm 25.000.000 USD và 1.500.000 EUR.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Mã chứng khác	31/12/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con					
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD		49.498.345.589	(25.383.395.836)	49.498.345.589	(25.051.921.334)
- Công ty Cổ phần Lilama 5	LO5	16.930.636.761	-	16.930.636.761	-
- Công ty Cổ phần Lilama 7	LM7	9.180.000.000	(9.180.000.000)	9.180.000.000	(9.180.000.000)
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	LM3	7.905.000.000	(7.905.000.000)	7.905.000.000	(7.905.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT (*)		8.492.567.900	(5.923.203.829)	8.492.667.900	(5.414.118.433)
Đầu tư vào Công ty liên kết					
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	L45	6.590.040.928	(2.375.192.007)	6.990.040.928	(2.552.802.501)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	L43	271.222.251.563	(65.590.478.553)	271.222.251.558	(63.719.052.696)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	L44	18.908.271.421	(13.908.271.421)	18.908.271.421	(18.908.271.421)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama		7.002.100.000	(4.881.032.113)	7.002.100.000	(2.676.772.197)
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	LCD	5.188.680.200	(5.188.680.200)	5.188.680.200	(5.188.680.200)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama		29.697.241.113	-	29.697.241.118	-
- Công ty Cổ phần Lilama 10	L10	3.907.800.000	-	3.907.800.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	LM8	1.100.135.974	(163.973.386)	1.100.135.974	(155.792.386)
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	L61	52.111.309.091	-	52.111.309.091	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	L63	86.688.820.750	-	86.688.820.750	-
Đầu tư vào đơn vị khác					
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn Kéoan Dầu khí		28.832.055.556	(28.832.055.556)	28.832.055.556	(28.832.055.556)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		37.785.837.458	(7.616.465.977)	37.785.357.458	(7.957.480.936)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na		248.959.582.264	(30.150.642.888)	248.959.582.264	(27.320.745.802)
- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sừng Thao	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		2.165.892.592	(34.879.229)	2.165.392.592	(35.684.243)
- Công ty Cổ phần BV Invest		85.696.038.606	-	85.696.038.606	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	HNA	35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
		16.169.971.505	(10.316.726.956)	16.169.971.505	(7.486.024.356)
		86.548.856.279	-	86.548.856.279	-
		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		569.680.179.421	(121.124.517.377)	569.680.179.421	(116.091.719.832)

(*) Công ty con đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít ỏi trên thị trường chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025 của các Công ty này.

Theo đề án tái cơ cấu lại Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng thông qua tại văn bản số 5563/BXD-KHTC ngày 23/11/2023 và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/01/2024. Theo đó, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ tại CT Công ty liên kết (Công ty Cổ phần Lilama 10 và Công ty Cổ phần Lilama 18) và thoái vốn toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty con lại (19 Công ty). Riêng đối với Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sea), trong thời gian tới tùy thuộc vào tình hình làm việc tại Brunei và trong khu vực, Tổng Công ty sẽ xem xét lựa chọn việc để Lilama Sea tiếp tục hoạt động theo phương án hiệu quả nhất hoặc chuyển nhượng/giải thể để thu hồi vốn.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 5	Tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 7	Thành phố Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Tỉnh Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Thành phố Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thi nghiệm Cơ điện	Thành phố Hà Nội	36,18%	36,18%	Thi nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Thành phố Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Lilama 10	Thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 18	Thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Thành phố Hải Phòng	36,00%	36,00%	Xây lắp

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Gian khoan Dầu khí	Thành phố Hồ Chí Minh	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Thành phố Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần BV Invest	Thành phố Hà Nội	11,96%	11,96%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý tài chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	23.672.587.620	(7.894.663.682)	21.667.867.633	(7.874.306.487)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	342.148.817	-	1.323.990.184	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.389.650.896	(4.382.686.724)	4.382.686.724	(4.362.329.529)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	157.452.089	-	155.108.571	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.511.976.958)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	229.156.513	-	33.462.999	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	4.982.630.885	-	1.438.531.050	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	13.587.877	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	924.826	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	17.435.475	-	221.162.223	-
- Công ty Cổ phần Lilama 7	120.673.238	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	9.345.576.844	-	10.044.923.842	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	-	-	19.440.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	561.373.202	-	536.585.082	-

TÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>	<i>2.755.685.326.675</i>	<i>(321.044.717.682)</i>	<i>1.263.962.414.120</i>	<i>(352.960.287.656)</i>
- Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Ban QLDA chuyên ngành Điện	66.684.513.050	-	68.518.414.445	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	232.306.651.450	(194.351.387.399)	206.708.530.074	(194.351.387.399)
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	961.200.665	(961.200.665)	19.967.361.316	(19.006.160.651)
- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	41.539.620.068	(41.539.620.068)	57.577.434.335	(57.577.434.335)
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban QLDA Điện	825.575.010.999	-	646.405.216.466	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	(39.000.402.901)	39.000.402.901	(39.000.402.901)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng-Quảng Trạch	877.867.450.765	-	22.736.154.702	-
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA	141.892.684.930	-	-	-
- BQLDA truyền tải điện-CN TCT truyền tải điện QG (trạm 500 KV Lai Châu)	133.523.807.731	-	-	-
- BQLDA truyền tải điện-CN TCT truyền tải điện QG (trạm 500 KV Tây Hà Nội)	83.344.239.221	-	-	-
- Thyssenkrupp Nucera Italy S.R.L.	85.159.969.581	-	-	-
- Phải thu của khách hàng khác	227.829.775.314	(45.192.106.649)	203.048.899.881	(43.024.902.370)
	<u>2.779.357.914.295</u>	<u>(328.939.381.364)</u>	<u>1.285.630.281.753</u>	<u>(360.834.594.143)</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>47.099.996.955</i>	<i>(35.105.842.355)</i>	<i>48.204.614.946</i>	<i>(35.105.842.355)</i>
- Công ty CP Lilama 45.1	35.363.803.005	(27.426.478.543)	35.363.803.005	(27.426.478.543)
- Công ty CP Lilama 45.3	-	-	1.409.793.614	-
- Công ty CP Lilama 45.4	11.431.018.327	(7.679.363.812)	11.431.018.327	(7.679.363.812)
- CTCP Lilama 69.1	305.175.623	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>384.323.577.096</i>	<i>(89.653.067.857)</i>	<i>664.479.848.014</i>	<i>(91.255.399.262)</i>
- Tổng Công ty xây dựng Dịch Đăng	-	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	34.630.849.904	-	46.716.011.731	-
- Mitsubishi Heavy Industries, Ltd	127.958.000.400	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mai Kỳ Thuật Vạn Hội Phát	59.250.698.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	65.824.121.244	(65.824.121.244)	61.422.912.306	(61.422.912.306)
- Trả trước cho người bán khác	96.659.907.548	(23.828.946.613)	102.588.336.236	(29.832.486.956)
	431.423.574.051	(124.758.910.212)	712.684.462.960	(126.361.241.617)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>116.258.693.977</i>	<i>(116.258.693.977)</i>	<i>117.692.848.388</i>	<i>(117.692.848.388)</i>
- Công ty CP Lilama 45.1	92.068.569.933	(92.068.569.933)	92.068.569.933	(92.068.569.933)
- Công ty CP Lilama 45.3	24.190.124.044	(24.190.124.044)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
<i>Bên khác</i>	<i>237.218.798.955</i>	<i>(237.218.798.955)</i>	<i>241.620.007.893</i>	<i>(241.620.007.893)</i>
- Công ty CP Lisemco	223.245.490.955	(223.245.490.955)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	353.477.492.932	(353.477.492.932)	359.312.856.281	(359.312.856.281)

Bao gồm các khoản cho các đối tác vay từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.131.988.200	(3.131.988.200)	6.596.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	288.772.265.199	(286.777.750.132)	282.396.339.701	(278.849.832.853)
- Tạm ứng	4.740.121.850	-	9.761.097.962	-
- Ký cược, ký quỹ	440.000.000	-	26.000.000	-
- Phải thu tiền nộp cấp quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	13.466.222.516	(13.466.222.516)	27.255.441.843	(27.255.441.843)
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	9.861.272.537	-	11.361.932.537	-
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Phải thu khác	73.761.360.985	(55.152.579.676)	76.599.913.166	(54.137.635.894)
	<u>404.160.552.967</u>	<u>(358.528.540.524)</u>	<u>423.985.035.089</u>	<u>(363.374.898.790)</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

u.2) Chi tiết theo đối tượng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	104.854.704.244	(104.354.704.244)	96.868.596.762	(96.426.786.965)
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty CP Lilama 45.1	83.535.687.460	(83.535.687.460)	76.880.391.068	(76.880.391.068)
- Công ty CP Lilama 45.3	18.187.028.584	(17.687.028.584)	16.414.407.697	(16.414.407.697)
- Công ty CP Lilama 5	-	-	27.815.187	-
- Công ty CP Lilama 69.3	-	-	408.690.410	-
- Công ty CP Lilama 69.1	-	-	5.304.200	-
Bên khác	299.505.848.723	(254.173.836.280)	327.116.438.327	(266.948.111.825)
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.897.140.431	(75.897.140.431)	75.867.468.383	(75.897.140.431)
- Công ty CP Lisemco	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.066.231.662	(144.066.231.662)
- Hamon Research- Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	61.224.747.003	(25.880.056.240)	89.065.008.655	(38.654.331.785)
	404.160.552.967	(358.528.540.524)	423.985.035.089	(363.374.898.790)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	171.000.000	-	8.742.000.000	-
	171.000.000	-	8.742.000.000	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho các đối tác của Tổng Công ty vay được trình bày tại thuyết minh số 07 - Phải thu về cho vay ngắn hạn và đã trích lập dự phòng đầy đủ. (Chi tiết tại thuyết minh số 9 - Nợ xấu).

(2) Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, phường Tương Mai, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

(3) Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM"- thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ chi phí của từng thành viên trong liên danh cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

(4) Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

TÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

9 .NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng	371.666.697.332	42.727.315.968	374.173.294.678	13.338.700.535
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	232.306.651.450	37.955.264.051	206.708.530.074	12.357.142.675
- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	41.539.620.068	-	57.577.434.335	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	12.597.651.580	-	14.597.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	961.200.665	-	19.967.361.316	961.200.665
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	39.000.402.901	-	39.000.402.901	-
- Các đơn vị khác	36.217.703.873	4.772.051.917	27.278.447.677	20.337.195
b. Ứng trước cho người bán	168.089.000.028	43.330.089.816	171.053.112.223	44.691.870.606
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	35.208.754.102	18.030.228.953	36.570.534.892	19.392.009.743
- Các đơn vị khác	65.981.810.417	25.299.860.863	67.584.141.822	25.299.860.863
c. Phải thu về cho vay	353.477.492.932	-	359.312.856.281	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	92.068.569.933	-	92.068.569.933	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	24.190.124.044	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	223.245.490.955	-	227.646.699.893	-
d. Phải thu ngắn hạn khác	359.028.540.524	500.000.000	363.374.898.790	-
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.112.235.998	-	11.112.235.998	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	139.755.658.922	-	144.066.231.662	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	75.897.140.431	-	75.897.140.431	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	83.535.687.460	-	76.880.391.068	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	18.187.028.584	500.000.000	16.414.407.697	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các đơn vị khác	27.408.800.929	-	35.872.503.734	-
	1.252.261.730.816	86.557.405.784	1.267.914.161.972	58.030.571.141

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai; phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**10 .HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.317.126.256	-	1.297.321.725	-
Công cụ, dụng cụ	1.803.591.750	-	2.289.503.568	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	506.805.772.298	-	157.957.941.045	-
	509.926.490.304	-	161.544.766.338	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	-	12.334.628.610
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	162.703.025.894	58.363.842.284
- Trạm cắt 220KV Đăk Oac và các đường dây 220KV đầu nối	1.573.090.000	23.420.321.069
- Trạm biến áp 500KV Lai Châu	157.148.236.229	-
- Trạm biến áp 500KV Pleiku 2	159.670.597.207	-
- Nhà máy thép xanh H2GS	-	56.512.804.643
- Các công trình khác	25.710.822.968	7.326.344.439
	506.805.772.298	157.957.941.045

11 .CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh (*)	36.156.356.414	35.609.189.360
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
- Cải tạo Tầng 3,4 tòa nhà EPC văn phòng cơ quan Tổng Công ty số 124 Minh Khai	1.902.651.484	-
	38.059.007.898	35.609.189.360

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	87.582.752.216	17.533.699.197	310.283.014.365	7.188.840.775	5.151.503.306	427.739.809.859
- Mua trong năm	-	520.925.926	5.211.738.910	1.507.326.744	-	7.239.991.580
- Thanh lý, nhượng bán	-	(66.272.727)	(747.809.524)	(985.371.942)	(75.000.000)	(1.874.454.193)
Số dư cuối năm	87.582.752.216	17.988.352.396	314.746.943.751	7.710.795.577	5.076.503.306	433.105.347.246
Gia trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	54.992.436.747	14.014.458.053	292.644.955.795	6.745.058.916	4.561.745.022	373.059.635.543
- Khấu hao trong năm	2.104.059.266	1.075.185.909	2.519.811.254	305.085.653	261.082.258	6.265.224.342
- Thanh lý, nhượng bán	-	(56.272.727)	(747.809.524)	(985.371.942)	(75.000.000)	(1.874.454.193)
Số dư cuối năm	57.096.496.013	15.023.371.235	294.416.958.525	6.065.752.629	4.847.827.290	377.450.405.692
Gia trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	32.590.315.469	3.519.241.144	17.638.057.570	442.801.859	489.758.274	54.680.174.316
Tại ngày cuối năm	30.486.256.203	2.964.981.161	20.329.985.226	1.645.042.948	228.676.016	55.654.941.554

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 323.323.986.193 VND.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13 .TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.519.650.908
Số dư cuối năm	3.519.650.908
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.014.398.616
- Trích khấu hao	439.956.360
Số dư cuối năm	1.454.354.976
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	2.505.252.292
Tại ngày cuối năm	2.065.295.932

14 .TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.597.679.212	1.868.049.000	12.465.728.212
Số dư cuối năm	10.597.679.212	1.868.049.000	12.465.728.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.773.484.489	1.773.484.489
- Khấu hao trong năm	-	26.000.004	26.000.004
Số dư cuối năm	-	1.799.484.493	1.799.484.493
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.597.679.212	94.564.511	10.692.243.723
Tại ngày cuối năm	10.597.679.212	68.564.507	10.666.243.719

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.738.049.000 VND.

15 .BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2025 là 46.312.784.750 VND, khấu hao trong năm là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 10.815.178.770 VND.
Doanh thu từ bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là 10.623.230.539 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngẫu lượ		
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	190.366.183	258.799.166
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	1.178.788	105.829.165
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	26.964.387	69.571.851
Chi phí trả trước dự án chế tạo thép xanh H2GS	95.092.004	251.599.259
	313.601.362	685.799.441
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước cho thuê cầu	1.116.690.218	3.167.350.005
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	4.476.516.678	1.603.894.404
Chi phí trả trước tại dự án Bắc Vinh	147.631.453	241.701.517
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	375.018.621	9.427.697.032
Chi phí trả trước dự án điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	-	11.823.315.580
Chi phí trả trước dự án Nhà máy Hydrogen NEOM	29.780.001	4.085.509.584
Chi phí trả trước thuê nhà xưởng (*)	76.125.000.000	84.825.000.000
Chi phí trả trước dự án chế tạo kết cấu thép 27 Module Dự án Thép xanh H2GS	230.681.820	246.042.936
Chi phí trả trước dự án chuyển đổi nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I	186.610.306	-
	82.687.929.097	115.420.511.058

(*) Khoản chi phí trả trước đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Lilama 69.3 (bên liên quan) liên quan đến chi phí thuê mặt bằng và các khu vực tiện ích mà Tổng Công ty trả trước phục vụ thực hiện các dự án gia công chế tạo kết cấu thép.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 .PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>245.913.469.919</i>	<i>245.913.469.919</i>	<i>358.060.519.339</i>	<i>358.060.519.339</i>
- Công ty CP Lilama 5	29.398.965.872	29.398.965.872	27.691.246.047	27.691.246.047
- Công ty CP Lilama 7	2.173.389.805	2.173.389.805	2.952.773.216	2.952.773.216
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	14.491.214.134	14.491.214.134	14.037.419.431	14.037.419.431
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama	14.125.414.140	14.125.414.140	20.661.899.134	20.661.899.134
- Công ty CP Tư vấn Quốc tế LHT	2.177.318.878	2.177.318.878	2.177.318.878	2.177.318.878
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	15.559.349.415	15.559.349.415	10.522.789.822	10.522.789.822
- Công ty CP Lilama 10	96.610.139.769	96.610.139.769	25.790.216.324	25.790.216.324
- Công ty CP Lilama 18	50.058.739.651	50.058.739.651	188.894.203.525	188.894.203.525
- Công ty CP Lilama 69.1	-	-	45.469.464.370	45.469.464.370
- Công ty CP Lilama 69.3	20.818.938.255	20.818.938.255	19.863.188.592	19.863.188.592
- Công ty CP Lilama 45.3	500.000.000	500.000.000	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>1.188.320.999.276</i>	<i>1.188.320.999.276</i>	<i>1.099.108.720.262</i>	<i>1.099.108.720.262</i>
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	11.080.959.584	11.080.959.584	10.734.692.356	10.734.692.356
- Thea Hengyang Transformer Co., Ltd	186.995.742.747	186.995.742.747	-	-
- Flsmidth Koch GMBH	86.859.571.780	86.859.571.780	90.685.256.341	90.685.256.341
- Công ty CP xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	49.335.191.063	49.335.191.063	57.993.769.496	57.993.769.496
- Công ty CP FECON	49.955.584.052	49.955.584.052	118.508.326.678	118.508.326.678
- Hamon Research- Cottrell Italia S.P.A	163.427.535.043	163.427.535.043	158.309.775.482	158.309.775.482
- Phải trả nhà cung cấp khác	640.666.415.007	640.666.415.007	662.876.899.909	662.876.899.909
	1.434.234.469.195	1.434.234.469.195	1.457.169.239.601	1.457.169.239.601

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Khai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	45.372.398.525	533.186.375	153.969.888.211	125.149.801.419	16.432.740.211	413.614.853
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	3.487.785.624	1.743.392.812	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.148.750.506	310.331.930	91.760.974.424	366.960.722	-	68.555.595.126
Thuế Thu nhập cá nhân	-	160.514.162	4.702.921.869	4.620.423.301	-	243.012.730
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.655.417.384	6.655.417.384	-	-
Các loại thuế khác	14.768	-	49.924.543	49.924.543	14.768	-
	70.265.056.611	1.004.032.467	260.626.912.055	138.586.420.181	16.432.754.979	69.212.222.709

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được gả thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**19 .NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Ban QLDA Đầu tư xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	54.668.568.629	-
- Công ty Nhiệt điện Cần Thơ - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 2 - Công ty Cổ phần (EVNGENCO2) (*)	343.133.023.280	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.866.656.986	40.866.656.986
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA	-	118.588.801.738
- Thyssenkrupp Nucera Italy S.R.L.	-	113.681.123.283
- Các đối tượng khác	15.335.488.351	46.214.190.824
	454.003.737.246	319.350.772.831

(*) Khoản tạm ứng của Chủ đầu tư là Công ty Nhiệt điện Cần Thơ - Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 2 - Công ty Cổ phần (EVNGENCO2) cho Tổng Công ty liên quan đến Dự án chuyển đổi nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn I sử dụng khí lò B.

20 .CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	505.902.174	1.007.395.207
- Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	1.139.826.311	32.054.045.243
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	752.071.323.479	60.073.449.364
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	4.878.958.835	20.913.979.780
- Công trình chế tạo Module thuộc Dự án thép xanh H2GS	30.150.680.443	-
- Dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4	238.932.754.926	300.348.067.483
- Dự án Hydrogen Neom	212.460.114.772	280.124.783.107
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2	8.892.552.118	10.929.241.686
- Chi phí phải trả khác	115.946.394.935	77.170.003.217
	1.364.978.507.993	782.620.965.087

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 5	-	9.175.592.126
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	132.004.133
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	-	7.937.324.462
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	6.891.686.263
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	4.507.776.919	4.507.776.919
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	-	22.725.325.818
- Công ty Cổ phần Lilama 10	177.223.073.469	349.470.911.202
- Công ty Cổ phần Lilama 18	2.774.672.617	45.926.394.128
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	364.434.400	364.434.400
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	6.632.924.480	247.787.283
	191.502.881.885	447.379.236.734

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**21 .DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	104.730.000	104.730.000
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	638.611.460	638.611.460
	743.341.460	743.341.460
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	13.076.185.471	13.714.796.931
	13.076.185.471	13.714.796.931

22 .PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	623.321.400	1.499.032.100
- Bảo hiểm xã hội	688.763.698	819.587.725
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	274.100.000	124.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	403.510.125	349.103.625
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.278.881.277	1.278.881.277
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	162.891.164.000	157.790.201.000
- Đội thi công số 1 thuộc Tổng Công ty (**)	5.507.693.556	23.507.993.137
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.130.325.311	11.445.184.834
	177.997.759.367	197.014.083.698
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.151.886.839	1.151.886.839
	1.151.886.839	1.151.886.839

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 phát sinh từ năm 2022. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng Công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025 khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp. Giá trị biến động tăng trong năm do ảnh hưởng của đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối năm.

(**) Khoản tiền phải trả cho đội thi công số 1 trực thuộc Tổng Công ty liên quan đến dự án Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**22 . PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 5	-	22.297.430
- Công ty Cổ phần Lilama 7	95.679.360	37.943.040
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	12.023.424	36.154.944
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	17.046.528	17.046.528
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.517.001	1.517.001
- Công ty Cổ phần Lilama 18	362.650.944	397.373.536
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	67.500.000	77.688.672
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	42.240.000	42.240.000
	<u><u>598.657.257</u></u>	<u><u>632.261.151</u></u>

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	374.868.178.544	167.535.646.441
	<u><u>374.868.178.544</u></u>	<u><u>167.535.646.441</u></u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	593.770.091.068	421.364.053.360
	<u><u>593.770.091.068</u></u>	<u><u>421.364.053.360</u></u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cáo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	952.039.290.202	952.039.290.202	1.840.782.064.625	2.166.134.118.760	626.687.235.067	626.687.236.067
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	669.619.301.702	669.619.301.702	941.283.734.325	1.362.441.783.336	248.461.252.692	248.461.252.692
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ⁽²⁾	8.055.421.610	8.059.421.610	25.065.578.230	53.124.999.840	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thánh An ⁽³⁾	139.285.691.547	139.285.691.547	516.334.196.096	413.866.095.815	241.753.791.828	241.753.791.828
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TTKDKHDN SGD ⁽⁴⁾	35.652.945.276	35.652.945.276	149.623.145.668	180.022.520.938	5.253.470.006	5.253.470.006
Nợ dài hạn đến hạn trả	99.421.930.067	99.421.930.067	208.475.410.305	176.678.618.831	131.218.721.541	131.218.721.541
- Công ty CTTC TNEH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁵⁾	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204
	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204	700.089.204
	<u>952.739.379.406</u>	<u>952.739.379.406</u>	<u>1.841.482.153.829</u>	<u>2.166.834.207.964</u>	<u>627.387.325.271</u>	<u>627.387.325.271</u>
b) Nợ dài hạn						
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁶⁾	1.808.563.786	1.808.563.786	-	700.039.204	1.103.474.582	1.103.474.582
	<u>1.808.563.786</u>	<u>1.808.563.786</u>	<u>-</u>	<u>700.039.204</u>	<u>1.103.474.582</u>	<u>1.103.474.582</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(700.089.204)	(700.089.204)	(700.089.204)	(700.089.204)	(700.089.204)	(700.089.204)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>1.108.474.582</u>	<u>1.108.474.582</u>			<u>408.385.378</u>	<u>408.385.378</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Báo cáo tài chính riêng này.

25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000	85.863.615.071	68.020.054.539	951.144.709.560
Lãi trong năm trước	-	-	94.215.472.485	94.215.472.485
Phân phối lợi nhuận	-	16.161.623.514	(64.047.896.814)	(47.885.273.300)
Số dư cuối năm trước	797.261.040.000	102.025.238.585	98.187.630.260	997.473.903.845
Số dư đầu năm nay	797.261.040.000	102.025.238.585	98.187.630.260	997.473.903.845
Lãi trong năm nay	-	-	507.135.151.898	507.135.151.898
Phân phối lợi nhuận	-	17.058.017.810	(55.860.059.366)	(39.802.041.556)
Số dư cuối năm nay	797.261.040.000	119.083.256.395	548.462.722.792	1.464.807.019.187

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 222/NQ-DHĐCĐ ngày 27/06/2025, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	17.058.017.810
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.351.905.156
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	546.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 3,5% vốn điều lệ)	27.904.136.400

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Dự Xây dựng	97,88	780.324.040.000	97,88	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12	16.937.000.000	2,12	16.937.000.000
	100	797.261.040.000	100	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- Vốn góp đầu năm	797.261.040.000	797.261.040.000
- Vốn góp cuối năm	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	349.103.625	248.299.125
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	27.904.136.400	35.876.746.800
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	27.904.136.400	35.876.746.800
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(27.849.729.900)	(35.775.942.300)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(27.849.729.900)	(35.775.942.300)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	403.510.125	349.103.625

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- Cổ phiếu phổ thông	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- Cổ phiếu phổ thông	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	119.083.256.395	102.025.238.585
	119.083.256.395	102.025.238.585

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Tương Mai để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Tương Mai để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công các dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	70.660.125,51	49.760.112,41
- Đồng Euro (EUR)	1.794.608,19	1.796.540,98

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	5.302.391.451.017	5.995.741.117.805
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.238.760.685	57.022.774.409
Doanh thu chuyển nhượng hàng hóa bất động sản	-	10.916.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	72.000.000	-
	5.337.702.211.702	6.063.679.892.214
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	48.545.072.059	32.313.522.476

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	4.902.648.659.448	5.894.063.242.812
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.565.771.600	62.700.016.278
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	5.605.456.828
Giá vốn bán hàng hóa	72.000.000	-
	4.946.286.431.048	5.962.368.715.918
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	713.345.618.231	1.486.824.105.721

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.089.016.764	41.090.643.486
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.090.072.470	23.283.352.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	64.023.734.469	35.486.944.497
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	22.523.302.069	41.327.570.894
	147.726.125.772	141.188.510.877
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	27.797.962.749	18.273.635.824

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.698.721.295	83.499.291.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	55.982.868.866	22.924.451.269
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	5.032.797.545	10.086.465.378
Dự phòng lãi vay khó đòi	8.427.917.279	11.333.310.824
Chi phí tài chính khác	148.765.793	118.908.817
	124.291.070.778	127.962.428.124

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.425.500	126.827.430
Chi phí nhân công	43.698.252.092	36.829.348.976
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.265.440.532	3.518.338.795
Thuế, phí, lệ phí	2.566.894.741	111.709.555
Hoàn nhập dự phòng	(52.607.183.078)	(16.957.348.440)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.670.386.504	11.086.557.811
Chi phí khác bằng tiền	7.190.072.937	4.634.708.384
	17.054.289.228	39.350.142.511
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	196.363.636	196.363.636

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	89.879.091	408.690.410
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ chậm tiến độ	15.167.049.411	382.026.695
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	169.929.091.443	19.611.868.382
Thu nhập từ bồi thường thiệt hại dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4	16.891.866.514	-
Thu nhập khác	293.263.522	100.513.976
	202.371.149.981	20.503.099.463
Trong đó: Thu từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40)	101.879.091	408.690.410

TÔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Trương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	597.612.536.309	88.499.195.060
Các khoản điều chỉnh tăng	2.876.767.833	4.258.089.385
- Chi phí không hợp lệ	2.876.767.833	43.674.160
- Chi phí lãi vay không được trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	-	4.212.415.225
Các khoản điều chỉnh giảm	(142.968.022.040)	(118.875.189.247)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(28.090.072.470)	(23.283.352.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(31.025.725.796)	(56.997.444.234)
- Hoàn nhập dự phòng đã loại khỏi chi phí được trừ các năm trước	-	(38.537.593.013)
- Các khoản điều chỉnh năm trước hạch toán năm nay	-	(56.800.000)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	(30.260.225.572)	-
- Chuyển lỗ tính thuế các năm trước	(53.591.998.202)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	457.521.282.102	(26.117.904.802)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>91.504.256.421</u>	<u>-</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(23.105.772.643)	(23.105.772.643)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	<u>68.398.483.778</u>	<u>(23.105.772.643)</u>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	1.283.590.013	7.145.346.781
Thu nhập tính thuế TNDN	1.283.590.013	7.145.346.781
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>256.718.003</u>	<u>1.429.069.356</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	267.354.067	(99.606.655)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(366.960.722)	(1.062.108.634)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	<u>157.111.348</u>	<u>267.354.067</u>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	91.760.974.424	1.429.069.356
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>68.555.595.126</u>	<u>(22.838.418.576)</u>

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng khoản đầu tư)	2.310.240.000	2.310.240.000
	<u>2.310.240.000</u>	<u>2.310.240.000</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.525.335.649	51.644.131.203
Chi phí nhân công	287.760.228.151	422.063.525.938
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.036.336.858	9.725.012.195
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(52.607.183.078)	(16.957.348.440)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.695.621.214	322.681.205.925
Chi phí thuê thầu phụ	4.164.970.172.665	4.649.181.736.358
Chi phí khác bằng tiền	131.879.006.496	82.501.926.185
	4.892.259.517.935	5.520.840.189.364

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Đầu tư dài hạn	-	68.168.051.300	-	68.168.051.300
	-	68.168.051.300	-	68.168.051.300
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800
	-	80.928.064.800	-	80.928.064.800

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.649.178.079.877	-	-	2.649.178.079.877
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.496.050.545.374	171.000.000	-	2.496.221.545.374
	<u>5.145.228.625.251</u>	<u>171.000.000</u>	<u>-</u>	<u>5.145.399.625.251</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.907.867.001.409	-	-	2.907.867.001.409
Phải thu khách hàng, phải thu khác	985.405.823.909	8.742.000.000	-	994.147.823.909
	<u>3.893.272.825.318</u>	<u>8.742.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.902.014.825.318</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	627.387.323.271	408.385.378	-	627.795.710.649
Phải trả người bán, phải trả khác	1.612.232.228.562	1.151.886.839	-	1.613.384.115.401
Chi phí phải trả	1.364.978.507.993	-	-	1.364.978.507.993
	<u>3.604.598.061.826</u>	<u>1.560.272.217</u>	<u>-</u>	<u>3.606.158.334.043</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	952.739.379.406	1.108.474.582	-	953.847.853.988
Phải trả người bán, phải trả khác	1.654.183.323.299	1.151.886.839	-	1.655.335.210.138
Chi phí phải trả	782.620.965.087	-	-	782.620.965.087
	<u>3.389.543.667.792</u>	<u>2.260.361.421</u>	<u>-</u>	<u>3.391.804.029.213</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trong yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.214.170.350.372	1.123.531.861.330	5.337.702.211.702
Tài sản bộ phận	6.703.851.980.246	16.930.636.761	6.720.782.617.007
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.239.991.580	-	7.239.991.580

40 .NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	48.545.072.059	32.313.522.476
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	4.723.834.858	4.749.256.033
Công ty Cổ phần Lilama 5	211.204.024	1.438.648.078
Công ty Cổ phần Lilama 7	80.613.320	1.229.544.294
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	156.789.444	663.534.220
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	6.448.307	368.739.556
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	294.169.924	681.671
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	162.872.438	156.670.080
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	273.507.443	1.338.097.144
Công ty Cổ phần Lilama 10	12.209.996.114	9.003.249.099
Công ty Cổ phần Lilama 18	8.871.107.307	13.222.262.274
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	21.450.521.015	31.697.546
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	104.007.865	111.142.481
Chi phí quản lý doanh nghiệp	196.363.636	196.363.636
Công ty Cổ phần Lilama 18	196.363.636	196.363.636

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	713.345.618.231	1.486.824.105.721
Công ty Cổ phần Lilama 5	23.904.872.999	48.463.001.002
Công ty Cổ phần Lilama 7	6.962.201.492	39.186.230.279
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	6.590.584.457	26.692.626.823
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.100.000	5.275.376.702
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	6.891.686.263	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Thí nghiệm Cơ điện	36.060.371.366	28.354.082.864
Công ty Cổ phần Lilama 10	407.582.392.653	518.818.890.312
Công ty Cổ phần Lilama 18	163.673.455.280	649.755.847.996
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	65.359.602.802
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	61.670.953.721	104.918.446.941
Cổ tức được chia	19.370.045.470	6.940.325.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.340.600.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.379.925.000	3.379.925.000
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	8.894.520.470	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	1.755.000.000	-
Lãi cho vay, lãi trả chậm	8.427.917.279	11.333.310.824
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	6.655.296.392	8.941.154.552
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.772.620.887	2.392.156.272
Thu nhập khác	101.879.091	408.690.410
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	-	408.690.410
Công ty Cổ phần Lilama 7	101.879.091	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	835.200.000	650.400.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	676.800.000	483.600.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Lê Đình Khanh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/06/2025)	338.400.000	-
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/06/2025)	-	516.600.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

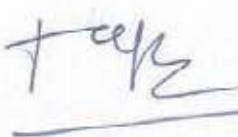
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai,
thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc	894.240.000	597.900.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	784.800.000	525.600.000
Ông Phạm Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2025)	425.564.000	-
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	676.800.000	483.600.000
<u>Ban Kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	691.200.000	434.800.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm	108.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên Ban kiểm	108.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

41 .SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

 Lại Việt Tân Người lập	 Tô Phi Sơn Kế toán trưởng	  Nguyễn Văn Hùng Tổng Giám đốc
--	---	--

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

PHỤ LỤC 2: VAY DÀI HẠN

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Dư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2025 (VND)	Nợ dài hạn đến hạn trả (VND)
6	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	225.101.702	142.801.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	441.136.440	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%	441.136.440	278.644.068
Tổng cộng					1.108.474.582	700.089.204

